SỐ 21: NGÀY 16 SEPTEMBRE 1942

THANH-NGHỊ

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

CHỦ-NHIỆM: VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

— Quyền lập pháp và quyền hành chính	PHAN ANH
— Khách trú và vấn - đề gạo tại Nam-kỳ	TẠ NHƯ KHUÊ
— Dấu chân cũ	ĐINH GIA TRINH
— Nhân một đạo nghị định hạn - chế rượu : nạn rượu ở các nước và ở ta	BÀ PHAN ANH
— Khoa - học và kỹ-thuật hay là cuộc tiến bộ của Hóa-học về lý thuyết	NGỤY NHƯ KONTUM
— Lịch-sử sự xung đột giữa hai phái Khổng - học và Đạo - học (Đạo Lão-Tử)	ĐẶNG THÁI MAI
— Ngày kỷ - niệm cụ Tiên - Điền Nguyễn Du tập thơ vịnh Kim-Vân-Kiều của cụ Hà Tôn Quyền	TRẦN VĂN GIÁP
— Thể lệ trước bạ các văn tự của người Nam	PHẠM GIA KÍNH
— Cuộc cải cách nền trung học ở Pháp	VŨ ĐÌNH HÒE
— Nhát dao *truyện dịch*	LÊ HUY VÂN
— Nhân-cách-hóa, một phương - pháp tạo nên hình ảnh *(bài nối)*	VŨ BỘI LIỆU
— Việc quốc tế	V. H.
— Đọc sách mới	L. H. V.

TÒA BÁO : 102 PHỐ HÀNG BÔNG HANOI. GIÂY NÓI 672. GIÁ : 0$25

3 tháng : 1$50 ; 6 tháng : 2$80 ; 12 tháng : 5$40

Quyền lập pháp và quyền hành chính

PHAN ANH

TẤT cả bộ máy chính trị của một nước đều căn-cứ vào hai bánh xe cốt-yếu : quyền lập-pháp và quyền hành-chính.

Lập-pháp, tức là đặt các luật-lệ, hành-chính tức là thi-hành các luật-lệ ấy. Đặt luật-lệ, cốt phải thấu rõ dân tình, thi-hành luật-lệ phải nhanh chóng và đến nơi đến chốn.

Hai thứ quyền ấy có khi hợp lại trong tay một cá-nhân hay một cơ-quan được toàn quyền hành-động có khi chia ra và phó thác cho hai cơ - quan bình - dẳng và phân biệt nhau cũng có khi chia ra hai cơ - quan, nhưng cơ - quan hành chính chỉ có một hư-quyền,

Chính-thể của các nước ở thế-giới ngày nay đều phóng-hình, theo ba khuôn mẫu kể-trên.

■

Ở những nước quân-chủ chuyên chế, hành-chính và lập-pháp ở trong tay vua. Cũng có khi có những cơ-quan cố-vấn, khởi thảo hay nghiên cứu những đạo luật, trước khi đem ban-bố ; nhưng quyền hạn của những cơ-quan ấy rất hẹp, chỉ bày tỏ ý kiến ; còn quyền định-đoạt tối cao vẫn ở trong tay quân-vương.

Chính-thể quân-chủ chuyên-chế đã thuộc về quá-khứ.

Nhưng tinh-thần chuyên-chế quy-tắc chuyên chế và thủ-đoạn chuyên-chế nay vẫn còn : cách mấy năm gần đây phong trào chuyên chế đổi tên là « Độc-tài ». đã tiến một cách rất mạnh, và tràn ngập nhiều cường quốc.

Cũng như các vua chúa đời xưa, những nhà độc-tài ngày nay thu trong tay cả quyền hành chính và quyền lập-pháp. Nghĩa là vị quốc-trưởng có toàn-quyền hành động, không có trở-lực nào ngăn-đoán được.

Nhưng khác vua chúa đời xưa, những nhà độc-tài ngày nay đều được dân cử, và tuy cầm quyền một cách cá nhân độc-đoán, họ vẫn tuyên bố thi-hành ý-nguyện của toàn thể quốc-dân.

Tiêu biểu những nước mà *« pháp » « chính » hợp-nhất* trong tay một cá-nhân độc-đoán, có hai cường-quốc Au-châu : là nước Y dưới chế độ Phát-xit (Facisme) của Mussolini và nước Đức, dưới chế-độ quốc-xã (Nazisme) của Hitler Trước hai chế-độ ấy, và đồng-thời cũng có nhiều nước khác có một chính thể tương-tự. như nước Turquie của Mustapha kémal, nước Pologne của thống-chế Pilsudski, nước Portugal của Salazar v.v...

Trong những nước kể trên, « pháp » « chính » hợp nhất trong tay một *cá-nhân* — Nhưng có khi hợp nhất trong quyền của một cơ-quan, một *hội-nghị*. Hội-nghị có quyền lập-pháp, lại có cả quyền hành-chính. Giúp việc hội-nghị về việc hành-chính, có những ủy-viên ; những ủy-viên này, phải theo mệnh-lệnh của hội-nghị, và hội nghị có quyền giải-chức họ lúc nào cũng được.

Trong lịch sử nước Pháp chính-thể, hội-nghị độc-tài, đã từng xuất-hiện về thời kỳ đại cách mệnh, cuối thế kỷ 18. Người ta thường gọi hội nghị ấy là Convention. Hội-nghị này cầm vận mệnh nước Pháp trong một lúc rất khó-khăn, và đã đánh dấu trong lịch-sử Pháp một kỷ nguyên rất hùng-cường oanh-liệt.

Ngày nay chính-thể hội-nghị độc-tài, còn hiện-hành ở nước Nga sô-viết. Ủy-ban trung-ương, là cơ-quan chính-trị tối cao, có cả hai quyền hành-chính và lập-pháp.

Chính-thể độc-tài, hoặc cá-nhân, hoặc hội-nghị chủ trương, có một đặc-sắc mà chính-thể khác không có : là định liệu công việc, thời cục một cách rất nhanh-chóng. Ý-định với việc làm đi đôi không bị thời gian gián đoạn. Cũng vì thế mà ở những trường hợp đặc biệt trong lịch sử cần phải giải quyết tình thế nghiêm-lrọng, ...

Nhưng lúc bình-thời chính-thể độc tài, có nhiều điều đáng ngại : ngại nhất là người cầm-quyền độc đoán bị dục-vọng riêng của mình, hay tư-lợi của một phần-tử trong xã-hội, xúi đẩy mà hành động : . . . . . .

Bởi thế nên, nhiều nhà chính-trị học, đã xướng lên thuyết « phân-quyền » — Theo thuyết này, thì hai quyền hành chính và lập-pháp phải chia cho hai cơ-quan khác-nhau ; hai cơ-quan ấy sẽ tương-chế, mà nhờ đó quốc-dân sẽ không sợ sự lạm-quyền, sự độc-đoán của một người hay một nhóm người thiểu-số có thể chiếm được cả hai cơ-quan hành-chính và lập-pháp.

Theo thuyết ấy người ta đã thiết-lập biết bao nhiêu hiến-pháp, trong khoảng một thế kỷ rưỡi vừa qua. Sau ba cuộc cách-mệnh, nước pháp từ năm 1875 đã chia đôi quyền chính-trị : Nghị viện có quyền lập-pháp, và quốc-trưởng có quyền hành-chính. Nước Anh từ lâu, cũng đã có một hiến-pháp tương-tự. Noi gương hai cường-quốc ấy, hầu khắp các nước trên hoàn-cầu, sau cuộc đại-thắng của Đồng-Minh năm 1918, đều tổ chức hiến pháp theo thuyết « phân quyền ».

Hiến-pháp căn cứ vào thuyết « phân quyền » đem ra thực hành hơn một thế kỷ nay đã cho ta biết một kết-quả rất rõ : là phân quyền thì không có lạm quyền, không có độc-đoán nữa. Vậy mục đích của những nhà chính-trị sợ lạm quyền, và độc-đoán, mà đặt ra chính-sách phân quyền thế là đạt rồi.

Nhưng tiếc thay, đem thực-hành thuyết này. không những người ta đã đạt được mục đích ấy, mà người ta lại còn đi quá! Vì cố tránh sự lạm quyền và độc đoán người ta đã làm giảm quyền những người đáng phải có quyền.

Quốc trưởng có trách nhiệm hành-chính vậy đáng có quyền hành-chính đầy đủ. Nhưng theo cách thực-hành hiến pháp, thì quốc - trưởng. chỉ là một người đại diện hư vinh, quyền hành chỉ có trên trang giấy.

Thực quyền ở trong tay các vị Tổng-trưởng mà các vị này là người phải có tín nhiệm của Nghị-viện.

Cho nên kỳ thực, quốc - trưởng không có quyền hành chính, mà các vị tổng trưởng cũng không có toàn quyền mà làm trọn bổn - phận hành-chính của mình, vì lúc nào cũng bị cơ - quan lập pháp kiềm chế.

Thành ra vì muốn tránh sự lạm quyền và độc đoán vì muốn ngăn cấm cơ-quan hành-chính làm điều giở, mà người ta đã bó buộc cơ-quan ấy không làm được cả điều hay. . . . . .

. . . . . .

Cho nên, nhiều nước (thi dụ Đức Ý) sau khi đã kinh nghiệm ít lâu chính thể phân - quyền kể trên đã quyết nhiên bỏ chính - thể ấy mà theo một chính thể tiêu cực khác : chính thể độc tài.

■

Ngoài hai chính thể tiêu cực kể trên, một là hành chính kèm theo lập pháp mà toàn quyền độc đoán, hai là hành chính vô lực, còn có một chính thể trong đó, *chính pháp ngang hàng*

Trong chính thể này mà người ta thường gọi là « chính-thể tổng thống », quyền vị quốc trưởng rất rộng. Then chốt hành-chính là ở trong tay mình vì chính mình kén trọn hay phế bỏ các vị tổng-trưởng không cần theo ý nghị-viện. — Các vị Tổng trưởng chỉ chịu trách nhiệm đối với mình, chứ không có trách nhiệm gì đối với Nghị-Viện vì thế không cần được nghị - Viện tín nhiệm. — Nghị - Viện chỉ có quyền lập-pháp, còn về hành-chính không có cách gì ngăn đoán được sự hành-động của Tổng thống. — Trong những trường hợp đặc biệt, nghị-viện lại có thể ủy toàn quyền hay đặc-quyền cho Tổng Thống : lúc đó Tổng-thống thu cả chánh pháp trong tay, và so với một nhà độc-tài, cũng không khác lắm.

Chính-thể ấy tức là chính-thể nước Hoa-Kỳ — Có người cho chính thể này thuộc về chính thể độc-tài, — trái lại có người xếp vào hạng chính-thể dân-chủ tự do của Anh, Pháp,

Muốn biết rõ, ta cần phải xét qua nội-dụng những chính-thế ấy — Đó là đầu-đề một bài sau.

PHAN ANH

Kỳ sau :

CHÍNH THỂ ĐỘC ĐOÁN DÂN-CHỦ TỰ DO VÀ TỔNG THỐNG.

KHÁCH TRÚ VÀ VẤN-ĐỀ GẠO TẠI NAM-KỲ

TẠ NHƯ KHUÊ

CHẲNG nói ai cũng biết xứ Nam-kỳ là một xứ sản-xuất gạo vào bậc nhất tại Đông Pháp. Theo bản thống-kê năm 1939, trong số 2.580.000 mẫu tây giồng giọt, có tới 2.320 420 mẫu tây ruộng sản-xuất được 2.130.420 tấn gạo. Số gạo xuất-cảng hàng năm thường trên dưới 1.500.000 tấn (1).

Nên tại Nam-kỳ hơn là tại các xứ Đông-Pháp khác vấn đề gạo dĩ nhiên là một vấn - đề sống còn cho dân chúng vì ngoài gạo ra không còn có thổ-sản nào đáng chú ý bằng, mà trong xứ lại thiếu nền công-nghệ.

Nhưng nói đến vấn - đề gạo là nói đến bọn khách trú trung - gian đã sống bám vào nhà nông Nam-kỳ và đã công nhiên làm mưa làm gió trên thị-trường từ bao lâu nay. Họ không có những dãy ruộng thẳng cánh cò bay nhưng từ thời kỳ lúa chín đến thời - kỳ gạo bán ra ngoại-quốc, họ đã đóng một vai tuồng tối quan trọng mà kết-quả là đã mang cho họ những gia sản khổng-lồ.

■

Trước thời-kỳ chiến - tranh, tất cả xứ Nam-kỳ có 10 nhà máy gạo lớn (2) thì quá nửa là của khách trú và độ 60 nhà máy nhỏ (3) thì hầu - hết là của họ. Mới đây, các nhà máy của họ đã hợp thành hội, do nghị-định Toàn-Quyền ngày 5-1-1940 cho phép.

Ngoài ra những thuyền-bè của họ ở rải rác khắp các lạch sông, cơ hồ sự chở chuyên lúa gạo tự lục tỉnh lên Saigon là ở trong tay họ, vì Nam-kỳ là một xứ lắm lạch nhiều sông, sự chuyên chở hàng-nóa đều bằng thuyền bè cả vừa tiện, vừa rẻ.

Sau hết các hãng xuất cảng gạo của người khách trú cũng nhiều. Hiện thời, người ta tin có chừng 5 hãng của người Pháp (1) nhưng, theo sổ đăng trong quan-báo ngày 1-2, 16-2 và 14-5-1941 có tới hơn 40 hãng của người khách-trú, phần đông mở tại Cholon và họp thành liên-đoàn.

Các cơ-quan sản gạo, vận tải và xuất-cảng đều liên lạc chặt chẽ với nhau.

Phần nhiều các hãng xuất cảng lớn đều đặt ở các tỉnh những « trành » tỉ như những chi - nhánh địa - phương của hãng. Nhưng những chi-nhánh đó thường ngày vẫn sống tự-lập. Các chủ trành cứ luôn-luôn giao-dịch trực tiếp với các nhà nông trong vùng; chính họ là bọn trung gian đáng sợ nhất. Họ dùng đủ cách để mua lúa với một giá rất hời. Thường thường họ đặt tiền mua non các ruộng lúa, chẳng nói ai cũng biết là số tiền đó đối với thực-giá rất nhỏ-mọn.

Có khi họ bán đồ-đạc cho các tá - điền hay tiểu nông gia rồi lấy lúa trừ. Như hồi kinh-tế khủng khoảng, thường cứ vay 1 $ phải góp cho họ 3 giạ lúa (theo thời giá bấy giờ vào 0$70 một giạ),

Những trành lại có thể có đủ thuyền bè và máy gạo nhỏ. Thường ngày thuyền bè dùng để vận tải thuê cho các tư - gia trong vùng, máy gạo dùng để xay lúa lấy gạo bán lại cho dân chúng tại chỗ — vì phần đông nhà nông Nam-kỳ không giã lúa như ngoài Bắc. Kịp đến khi hãng mẹ cần đến lúa thì họ có thể sẵn - sàng giúp một cách đắc - lực. Nếu số lúa đựng trữ trong kho đã đủ thì không nói gì, còn nếu số lúa không đủ thì họ đã biết nhà nào trong vùng có sẵn lúa mà tới mua một cách dễ dàng, những nhà đó đối với họ bao giờ cũng rất có cảm-tình vì sự giao-dịch hàng ngày. Rồi sẵn thuyền đó họ chỉ còn phải tải lên hãng mẹ thôi. Mà tải lúa gạo lên Saigon thì phần nhiều họ lại trở về lục tỉnh những đồ tạp-hóa mà họ sẽ bán chịu lại cho các nhà nông ta để các nhà nông lại góp

(1) Số đó đã lên tới 1.718.013 tấn trong năm 1935.

(2) Những nhà máy này mỗi ngày có thể sản xuất được từ 500 đến 1500 tấn gạo. Nhà máy gạo lớn nhất của người Nam là nhà máy Nguyễn-Thanh-Liêm.

(3) Những nhà máy này mỗi ngày có thể sản xuất được độ 100 tấn gạo.

(1) Denis-Frères—Lucia — Havraise – Alatini và Rauzyville

lúa cho họ. Cái vòng luẩn-quẩn cứ thế mà soay hết năm này sang năm khác.

Dù sao các nông-gia muốn bán lúa của mìn đều phải nhờ tay khách-trú làm trung gian. Vì cứ với một cái cơ-quan vận - tải họ đã có thể làm khó dễ với các nông gia : họ có thể đồng ý tăng tiền vận tải, đồng ý làm trùng-trình sự chuyên chở để gây tổn phí, hoặc làm ướt lúa. Chính những hãng xuất cảng gạo người Pháp cũng thường bị những cái ách đó.

■

Vì sự tổ chức đó mà thường là khi giá gạo cao giá lúa lại đứng, hoặc có cao mà không cao được bao nhiêu. Ta có thể đan cử một tỉ dụ trong hồi cuối năm 1939. Nguyên lúc khởi đầu chiến - tranh, chính-phủ bên này cần mua cho bên Pháp 100 000 tấn gạo nên hạn chế sự xuất cảng gạo sang ngoại-quốc và định giá là 8$77 một tạ 100k. Nhưng khi gạo đã gửi sang Pháp đủ rồi thì liền có nghị-định ngày 6-11-1939 cho tự do xuất cảng gạo. Thế là giá gạo đã vùn - vụt tăng lên tới 14$11 một tạ. Nhưng trong lúc ấy, tiền chuyên chở mỗi bao lúa 68k từ 0$10 hay 0$15, các chú đã tăng lên 0$35, và giá bao tải đang 0$15 họ cũng tăng lên 0$50. Còn giá lúa thì tăng chẳng được bao nhiêu, từ 5$36 lên 6$72 (giá tại Cholon) mà các nông-gia lại cồn bị thiệt vì tiền vận tải tăng lên gấp bội.

Nếu ta lấy một thời-giá mẫu — Ví dụ : lấy thời giá lúa và gạo vào hồi đầu tháng Octobre 1939 (1) — rồi lập bảng thống kế những sự thay đổi của thời - giá trong mấy năm sau này đối với thời-giá mẫu đó, thì ta sẽ nhận thấy rằng :

1. Giá gạo lúa thay đổi rất nhiều từ hồi đó cho đến đầu năm 1941 (AB, A'B') và suốt trong mấy năm đều cao chứ không sụt,

2· Đại-khái thì giá gạo thay đổi cùng một chiều với giá lúa — cái đó dĩ nhiên — nhưng giá gạo bao giờ cũng tăng nhanh hơn giá lúa bội phần (Aab, cd, A'a'b', c'd') mà có sụt cũng vẫn tăng nhiều hơn giá lúa. Cho nên đường thống-kế gạo thường là ở trên đường thống-kế lúa.

Giữa hai đường thống - kế là khoảng đầu - cơ của các chú (espace de spéculation).

■

Cũng vì vậy mà tình cảnh nông gia Nam-kỳ — chúng tôi muốn nói đến những người chính tay cầy bừa — rất là diêu đứng Phần đông họ là tá tiền mướn ruộng của người. Mà ai còn lạ gì chủ điền thường cho mướn với một giá rất đắt : từ 40 đến 60 thùng lúa một mẫu tây ruộng cũ (2) nghĩa là nếu được mùa thì chỉ lời được 20 thùng, nếu thất mùa là đeo nợ kinh - niên, vì nhất nhất cái gì mình cũng phải chịu cả, từ

(1) Chúng tôi lấy thời giá đó làm mẫu vì :

1· hồi ấy giá lúa và giá gạo không thay đổi mấy hay có thay đổi mà sự thay đổi không khác nhau mấy. Vì thế, sự trênh lệch về sau càng được rõ rệt.

2· tháng ấy là vào đầu thời kỳ chiến tranh, sự đầu-cơ sắp mãnh liệt, ta sẽ thấy giá thay đổi rất mau. Sự trênh - lệch cũng được rõ rệt hơn.

3· ta sẽ thấy ảnh hưởng của nền kinh - tế chính - lý trong năm 1941 và 1942. Thời giá mẫu đó là 5$10 (cho lúa) và 8$44 (cho gạo). Nên nhớ đây là bảng thống kế những sự thay đổi của giá cả (courbe de variations des prix) chứ không phải bảng thống kế những giá cả (courbe des prix).

(2) Tại Nam-kỳ có hai thứ ruộng : ruộng cũ là ruộng đã thành thuộc như ở miệt Mỹtho, Cholon, Gòcông, Tânan, ruộng mới là ruộng mới khai phá; lợi tức thất thường như ở miệt Longxuyên, Châudốc. Giá mướn ruộng cũ đắt hơn giá mướn ruộng mới rất nhiều.

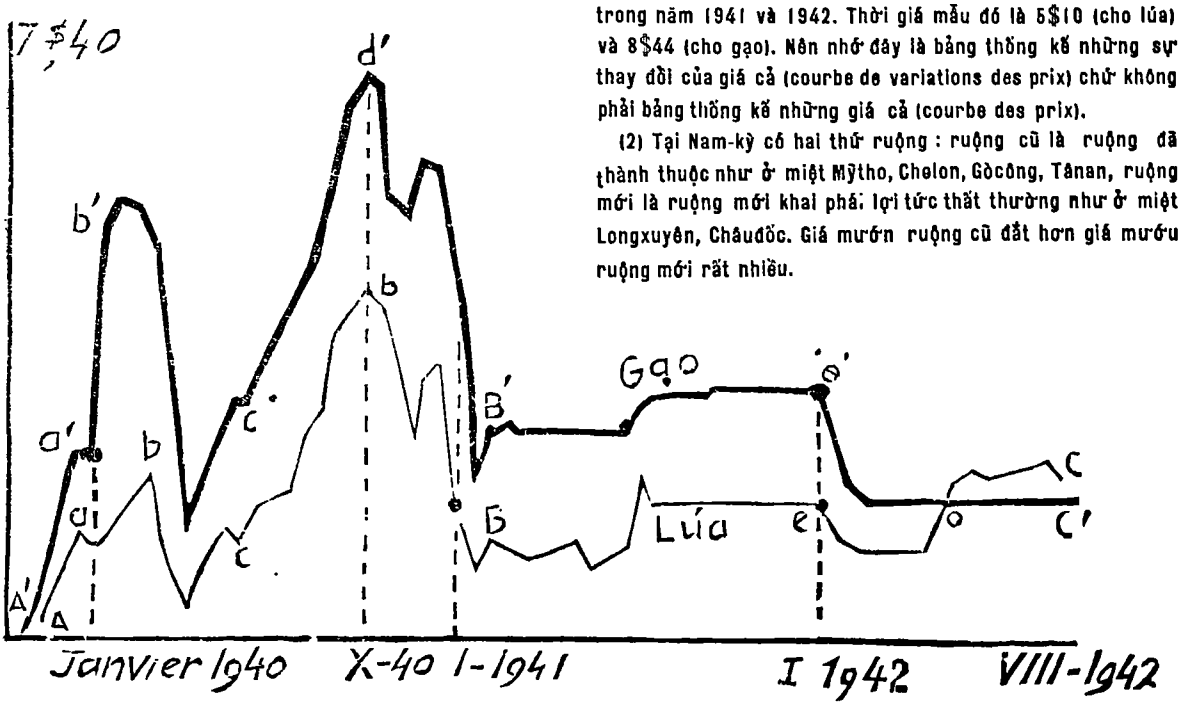

Sự thay đổi giá lúa gạo từ Octobre 1939 đến Aout 1942 — Đường thống kế.

lúa giống, trâu bạn cho đến công gặt. Mà 20 thúng đó chưa chắc đã bán được theo thời-giá : các chú con trời đã dùng đủ mánh-khóe để bóp chẹt mua rẻ Thực là một cổ hai tròng.

■

Trước tình thế đó, không phải là không có sự phản động.

Đầu tiên, người ta nghĩ lập ra Hợp-tác-xã gạo như Hợp-tác-xã Soctrang trước đây do một vị điền-chủ người Pháp chủ-trương. Nhưng chẳng bao lâu Hợp-tác-xã chết. Xét ra vì những nguyên cớ sau này :

1· những nhà sản xuất không chịu đem lúa tới gửi, họ chưa hiểu mục đích của Hợp-tác-xã chưa hiểu sao lại gửi chứ không bán để lấy ngay một món tiền to mà tiêu.

2· họ quen giao dịch không có giấy má phiền phức, với các chú xưa nay chỉ lấy lời nói làm bằng.

Hiện giờ tại Nam-kỳ vẫn có liên-đoàn Hợp-tác xã, và phong trào Hợp-tác-xã cũng đang lan mạnh khắp xứ, nhưng, như chúng tôi được biết thì vẫn chưa có một Hợp-tác-xã gạo nào cả để triệt cái nạn trung gian cho các nông-gia.

Tuy vậy từ lâu Chính-phủ đã chú-ý đến việc cho các tiểu nông-gia vay tiền nên từ năm 1939 nhiều nông-phố ngân-hàng đã thành lập tại Gia-định, Chợ-lớn, Mytho, Bentre, Tân-an, Rachgia và Cần thơ tính đến cuối năm 1941 những ngân hàng ấy đã cho vay chừng 150000$ Nhưng một là chỉ những nông-gia có đất ruộng mới được hưởng sự vay nhẹ lãi, hai là dù thế nào, đó không phải là cách giải-quyết vấn-đề trung-gian.

Vào hồi 1938, phòng canh-nông Saigon có sáng-kiến tổ-chức « Ngày lễ Canh-nông » để nông gia có dịp hội họp quen biết nhau và trao đổi ý-kiến với nhau. Năm sau, lễ Canh-Nông đổi làm Hội-Nghị Canh-Nông chủ-ý là họp các nông-gia thành đoàn-thể để giải-quyết mọi vấn-đề khó-khăn.

Người ta đã thảo luận đến vấn-đề gạo Hội-nghị hi-vọng tổ-chức một sở bán lúa để các nhà xuất cảng gạo giao dịch trực tiếp với các nhà sản xuất, tổ-chức cả cuộc vận tải các nông sản, lập nhà máy gạo riêng, xem xét cách làm bao gạo . . . Nhưng từ Avril 1940, có lẽ vì thời cục những ý-kiến đó đã bị xếp só.

(Còn nữa)

TẠ NHƯ KHUÊ

Thống chế PÉTAIN đã nói :

« Từ đây, nước nhà đã đồng-tâm
« hợp nhất, thì phải lao-động và tư-
« sản phải nên cố gắng để thoát khỏi
« những sự câu-nệ chỉ tổ làm cho
« biếng nhác và nên hiểu rõ cái lợi
« chung của người công-dân ».

VỔ-ĐỨC-DIÊN

ARCHITECTE D. P. G. L.

N· 3, Place Négrier — HANOI

TELÉPHONE : 77

ĐANG IN :

VIỆT-NAM cổ văn-học sử

TÁC GIẢ : NGUYỄN ĐỔNG CHI
TỰA CỦA TRẦN VĂN GIÁP — LỜI BẠT CỦA HUỲNH THÚC KHÁNG

500 trang toàn những tài liệu văn học rất quý, soạn theo một phương pháp rất khoa học. Giá : 4$50

Ai gửi tiền mua trước ngày 1er Octobre 1942 sẽ được trừ 10·/. và không phải trả tiền bưu phí.

Thư và tiền gửi về :

M. LE DIRECTEUR
HÀN-THUYÊN XUẤT BẢN CỤC
Rue Tiên Tsin — HANOI

DẤU CHÂN CŨ

Đ. G. TRINH

CON đường cũ khúc khuỷu, vẫn nó, con đường của ta trước đây hơn mười lăm năm. Sao bây giờ nó ngắn làm vậy, mà ngày xưa khi ta chạy rông, nó dài ghê! Rồi con đường khúc khuỷu dẫn đến một bức tường thấp cũ nát, một cái ao lặng, những thửa ruộng san-sát chạy giải theo chiều một lũy tre. Thức giậy trong lòng ta cả một quãng đời thơ ấu. Cái tường này xưa kia cao bao nhiêu, cây đa này khi xưa bóng cả chùm lợp hùng vĩ bao nhiêu. Ở đây ta chơi đùa với các bạn nhỏ của ta. Kìa, ở ngôi đình kia cái lớp học nhỏ trong đó khi xưa ta bập bẹ đọc những câu tiếng Pháp với một thầy giáo mặc áo trừu bóng, oai nghiêm. Ở đây cậu học sinh nhỏ siu lên bảy tuổi, mặc cái quần giài lê thê, đội cái mũ « bốn mùa », súng sính trong chiếc áo đoạn, tay cầm lọ mực, tay cắp cái cặp, theo vú em dẫn đến trường học. Có khi bị một bạn bè ranh mãnh ăn cắp mất cái thước, cái bút chì, lúc về nhà bước nặng nề sao trên đường giài. Nói với me ra sao ? Cái thước đen đắt tiền thày mua tận Hà-nội, phải đâu vừa !

Bây giờ tôi còn nhận sao được những người bạn nhỏ quê của tôi thuở xưa nữa ? Đã hơn mười lăm năm. Vẫn lũy tre ấy, vẫn con đường ấy, có lẽ vẫn những khúc khuỷu ấy, vẫn cái ao xưa giơ mặt gan lì với một mảnh trời không thay đổi. Chó xủa, ồ, chó xủa năm xưa, tiếng chó cách đây mười lăm năm. Mùi lúa xưa, người xưa, rêu xưa ở chân tường. Các bạn nhỏ quê của tôi đâu ? Có lẽ trong đám người ngồi ở quán nước kia, ồn ào bàn chuyện cầy cấy ; có lẽ họ là người cha đang chặt cây với một bầy con bên cạnh ở góc sóm kia. Họ vẫn ở trong nhịp điệu của đất nước, họ sống gấp và chóng hơn tôi, họ đã tới nửa đời người rồi trong khi người bạn bé con của họ thuở xưa còn chưa chọn xong một con đường an định. Lộc non sinh lá, lúa chín rồi lại mạ xanh, chuỗi ngày giống nhau đi lạng lẽ trên những mái nhà thấp và trên con đường cũ. Tim không thao thức, mắt không ao ước thấy Tây Thi, các bạn nhỏ quê của tôi, trong bóng tối của xã hội (dưới một vòm trời sáng !) có lẽ đã tìm thấy bộ ao che phủ cho họ khỏi rét mướt và run rẩy,

■

Con đường cũ lát đa chưa kỹ, có hòn lăn loc trên đường để làm nhẩy chồm các bánh xe sắt ngày xưa đi lạch cạch. Con đường tới ga Cầm-giàng. Cái quán trọ rộng rãi tươm tất, có chiếu cạp giải trên giường, có bình tích nước trè mạn nóng hảo hạng, có cha quế và banh giầy rẻo và trắng muốt. Chủ quan mời chào me tôi niềm nở. Trước khi ăn cơm tôi còn chạy ra hiên, móc ở túi ra một tập « ảnh trẻ », âu yếm ngắm lại cái hình Quan Công có dấu thưởng tôi vừa mua hai hào của thằng Van ở phố Sặt ... Phải xem dấu diêm kẻo me tôi hỏi tiền cho còn hay hết và sao khỏi mắng đã để kẻ khác ăn dỗ, ăn xén.

Rồi còi tàu rúc, hành khách tấp nập ra ga. Tôi cùng me tôi đáp xe hỏa về quê. Về quê ! Cảm động biết bao. Mùi khét của than đá, cảnh tượng huyên náo ở sân ga, cái toa tầu đỏ sộ đen sì ở xa tiến lại. Thuở xưa, một thế giới.

Hôm nay con đường cũ lại được đón bước của tôi, nhưng tôi đi chỉ có một mình. Đi với bạn đấy, nhưng đi một mình ! Con đường xưa, nay sao nhỏ hẹp. Nhà lụp sụp quá ở trong ga ! Có lẽ tôi đã trông nhiều các lâu đài, mộng tưởng và thực hiện. Chủ quán xưa đâu, có nhận được cậu bé đeo khánh khi xưa, hay an do lụa không ? Chủ quán (biết có phải anh ta không hay là con anh ta, hay một người lạ nào) lơ đang trông tôi vì đang mải hấp tấp giải chiếu cho một bọn khách ngồi. Vài bông hoa dâm bụt trên một cái dậu thưa sơ sác, cuộc đời ồn ào nào có ghi chép gì đâu. Cảm thấy buồn chia ly thấm thía quả chiều nay, lúc ánh tà bảng lảng ở chân mây, gió đưa ào qua cành lá, sân ga quạnh quẽ sau lúc tầu đi.

■

Con đường cũ ! Con đường Đào Nguyên ! Đêm giang tôi với các em nhặt lá, hai quả ở bụi rậm, gói bánh giả, làm thuốc giả. Tìm linh đơn cho người ta bất tử ! (cậu bé con ấy ngay xưa đọc bao nhiêu chuyện thần kỳ !). Hoa sùng tím đẹp hơn hoa sen, đẹp hơn tất cả các hoa trên trần thế. Hà tiên Cỏ qua bể ; Lưu Thần và Nguyễn Triệu tìm thấy tiên và được soi gương trên giòng suối hoa đào ; chàng thư sinh kia qua một cổng ngõ gặp đôi mắt mê say, nghe một tiếng cười trong treo của cô bé nọ xoa trong tay rồi tram nam mang tình hận ở lòng. Giang không phai một quả cầu giá lạnh.

(Xem tiếp trang 30

NHÂN MỘT ĐẠO NGHỊ-ĐỊNH HẠN CHẾ RƯỢU

NẠN RƯỢU Ở CÁC NƯỚC VÀ Ở TA

Bà PHAN ANH

Gần đây Chính-phủ vừa ban bố đạo nghị-định hạn chế sự bán rượu khai vị nặng phân. Lý do sự hạn chế ấy phức tạp, nhưng một điều chắc chắn là về phương diện vệ sinh xã-hội, sự hạn chế ấy sẽ có ảnh hưởng hay.

Các em bé học qua bực tiểu học chắc phần đông cũng biết bài ngụ ngôn :

« Một vị Tử thần bảo một thiếu niên muốn « khỏi chết phải trọn trong 3 cách sau này :

« Một là giết mẹ, hai là đánh chị, ba là uống « rượu.

« Thiếu niên xưa nay hiếu đễ quyết không « giết mẹ hay đánh chị, chọn ngay cách uống « rượu : té ra uống rượu xong, say quá đánh « chị. Mẹ mắng, lại giết cả mẹ. » Đó chỉ là một bài ngụ ngôn, ngoài tính cách khôi hài đã cho ta một bài học tối quan trọng. . . . . .

Theo kinh nghiệm của khoa học : rượu người sản phụ uống truyền vào thai, nhập vào óc và mọi bộ phận thai.

Người mẹ nuôi con mà uống rượu thì sữa cũng có rượu, rượu đó lại nhập vào hài nhi.

Sự nghiện rượu hay đi đôi với sự điên rồ.

. . . . . .

Thành thử chỉ vì rượu mà chính - phủ phải trích trong ngân quỹ món tiền to để làm bệnh viện, nhà điên, mọi nhà cứu bần—Chỉ vì rượu mà dân tộc càng ngày càng yếu ớt, hao - mòn đến tiêu diệt.

Chống cái nạn khủng khiếp ấy, ở các nước, người ta đã dùng những phương - pháp gì ? Và những phương - pháp ấy có hiệu quả thế nào ?

Bên nước Nga : Chính - phủ cấm không ai được mở quán rượu, Chính-phủ giữ độc quyền — Thế mà số người nghiện lại tăng lên — Vì không có quán nên nhiều người uống ở dọc đường, vừa đi vừa uống, có khi lăn quay ra đường.

Kết quả :

1·) Từ ngày Chính phủ độc quyền bán rượu, số người nghiện tăng lên : nhiều người đem rượu về nhà uống.

2·) Các làng vì không được bán rượu thành thử ngân quỹ sụt đi, không có tiền chi về việc học.

3·) Các thứ : như vang và bia lại tiêu thụ tăng lên.

Bên nước Đức thoạt tiên người ta hạn - chế rượu bằng cách tăng thuế rượu : rượu lên giá từ 20 f l litre đến 90 f : số rượu uống có giảm đôi chút, nhưng số bia uống tăng lên gấp bội — Lại phần đông thợ thuyền bớt tiền ăn đi, để uống rượu. Sau Chính-phủ khuyến - khích dân làm rượu cồn đốt lửa, cồn tiêu - thụ nhiều về kỹ nghệ : số rượu uống thấy giảm đi nhiều lắm. . . . . .

Ở nước Anh, người ta bài trừ rượu bằng cách tuyên-truyền tiết độ. Người ta lập những hội gọi là « Tiết-độ-hội » (Société de Tempérance). Những hội đó được toàn - quyền sát nhập cácty rượu. Hội đặt mỗi quán rượu dưới quyền kiểm sát một người quản - lý — Người quản-lý đó có lương tháng nhất định, và được hưởng tiền hoa hồng vào tiền bán các thứ giải khát không có rượu—Còn bán rượu thì không được hưởng hoa hồng gì cả. Thành thử người quản lý đó hết lòng bán đồ giải khát không có rượu.

Trong quán lại bầy biện rất đơn giản, khiến cho khách không muốn ngồi lâu. Lại không bán chịu, không có ghế ngồi, không được hút thuốc — Trên tường thì treo những câu không nhã : « Cấm nói to » « Ai ăn uống xong, mời ra ngay ».

Quán rượu bán hàng có giờ từ 9 giờ sáng, đến 8 giờ tối — Ngày hội hè lại đóng cửa hẳn

Hội lại còn đặt thêm phòng đọc sách, trong đó có đủ trà, café, nước chanh, nước đá, kẹo mứt — Bia, vang, rượu mùi, tuyệt không có.

Những « hội tiết độ » ấy có ảnh - hưởng rất tốt.

Hiện giờ ở nước Pháp cũng có nhiều « hội - tiết-độ ». Hội đặt ra những câu lạc-bộ, thư - viện, phòng đọc sách để mọi người có nơi hội-đàm khỏi phải vào quán rượu, Lại có các thầy thuốc giúp sức : Diễn thuyết, khuyên bảo bài-trừ rượu.

Trong các trường cũng dạy học trò chớ nên uống rượu — Ở Finistière, con cái không theo cha mẹ dự tiệc cưới. Ở Ardennes, học trò không được đi dự lễ nào có tiệc.

Xét qua hiện trạng mấy nước kể trên, ta có thể nói rằng nếu không có cá nhân và tư - gia giúp việc thì sự độc quyền và tăng giá rượu đều vô công-hiệu.

Ở nước ta thì sao ? Nạn rượu ở chốn thôn - quê không còn ai lạ gì — Những cuộc xung - đột, chém giết, kiện cáo, do những bữa chè - chén sinh ra không phải là hiếm,

Ấy là chưa kể cái họa rượu đối với chủng-tộc. Biết bao trẻ sinh ra tàng - tật, yếu ớt, dễ nhiễm các bệnh hiểm nghèo : ta có thể trách - cứ ở rượu một phần lớn.

Trông hiện tình ta bây giờ có lẽ không gì bằng theo phương - pháp bên nước Đức : là Chính-phủ truyền bá phương - pháp, giúp vật liệu cho dân biết ách nấu rượu cồn đốt lửa làm cho chạy các máy móc — Chính phủ cho phép bán cồn được ăn lãi nhiều hơn bán rượu uống, và lại thuế cồn lại rẻ hơn thuế rượu uống.

Như vậy ai ai cũng nấu rượu cồn, mà rượu uống tất phải mất ấy là chưa nói kỹ nghệ cồn, sẽ khiến cho bao kỹ nghệ máy móc khác được dễ dàng phát đạt.

Đồng thời, ta tìm cách chế những thứ giải khát không có, hay có, ít rượu và khuyến - khích dân gian chỉ dùng những thứ ấy.

Nhưng đó chỉ là phương pháp ngoại trị cần phải có phương pháp triệt để hơn là giáo dục : quốc gia giáo dục, học đường giáo dục, và nhất là gia đình giáo dục.

BÀ PHAN ANH

MUỐN NÂNG CAO CÔNG NGHỆ NƯỚC NHÀ NÊN DÙNG DẤM

PÉDOCA 6°

Chế theo phương pháp các nhà sản xuất **Desseau** và **Bordelaise**, đã được phòng thí-nghiệm công nhận Thơm và độ Chua không thay đổi

Có bán tại các hiệu thực phẩm như

G. M. R. Poinsard Veyret

Làm đại-lý, viết thơ về:

136 Armand Rousseau, Hanoi

HỘP THƯ

Ô. Trần nguyên Cư Kongpongcham — X.T.N.T. hạng luxe 15$00 hạng thường 1$50 — xin sẵn lòng giúp ông nhưng xin gửi tiền trước cả cước-phí. — ông làm giấy thép bản biết rõ hơn chúng tôi. Gửi theo lối gửi bài cho nhà báo rẻ nhất.

Ô. Tham Binh Cao-Lạch — Không đủ collection T. N.

Ô. Nguyễn sĩ Cư Huế — xin gửi trả bằng tem.

Ô. Nguyễn văn Lưu — có nhận được bài. Rất cảm ơn, đang xem.

ĐANG IN BÀI HÁT

PHỤNG MỆNH QUÂN VƯƠNG

BẢN THỨ HAI

CỦA BỘ VIỆT NAM NHẠC PHỔ

CÁC BẠN ĐỌC HÃY ĐÓN COI :

NGÃ BA THANH NIÊN

Kịch ba hồi của Đoàn Phú Tứ

Sẽ đăng nay mai ở THANH-NGHỊ

KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

HAY LÀ

CUỘC TIẾN BỘ CỦA HÓA-HỌC

VỀ LÝ-THUYẾT

NGỤY NHƯ KONTUM

BÀI trước tôi đã có dịp chứng minh rằng khoa-Hóa-học gần đây đã tiến-bộ đến dường nào, đến nỗi không những hầu hết các chất của Thiên-nhiên không có chất nào là Hóa-học không chế tạo ra được, cướp quyền của Tạo Hóa, mà hơn nữa Hóa-học còn tự sáng tác ra biết bao nhiêu chất mới lạ có tính-cách hữu dụng quý-hóa hơn chất sẵn có ở Vũ-trụ. Thật là một khoa huyền-diệu! Bài này tôi muốn bày tỏ những con đường mà Hóa-học đã mượn để đi đến cái đích tuyệt-tác ấy, và đã nhờ có trí khoa-học và xảo kỹ thuật hai bên giúp sức nhau để gây dựng nền móng. Khoa-học đã có công tìm kiếm để hiểu biết thêm về các hiện-tượng, nhưng trong công-cuộc ấy có những khí-cụ hoàn hảo, những phương-pháp thiện-mỹ. Thì kỹ-thuật đã có công, trong việc áp-dụng những điều hiểu biết của khoa-học để kiếm cái lợi về thực-tế, chế ra khí cụ, cải-lương những phương-pháp cũ, hoặc phát-minh những phương-pháp mới, để cho Khoa-Học nhờ đấy được dễ dàng trong việc khảo-cứu và mau tiến, khỏi bận rộn vì những vấn đề phụ-thuộc.

Nói riêng về vấn-đề Tiến-bộ của Hóa-học trong lịch-sử, thì kỹ-thuật đã nhờ những điều hiểu-biết của Khoa-Học về kiến-trúc của vật-chất về cơ-chế các cuộc biến-hóa, nhất là về hiện tượng tiếp-sức tác dụng mà đặt ra biết bao phương pháp hợp kết nguyên-tố, cấu-tạo những chất mới. Những khí-cụ mà kỹ-thuật đã phải sắm ra để sung vào việc ấy, những phương-thức mà kỹ-thuật đã hoàn hảo thêm, trái lại sẽ giúp ích cho Khoa-Học dễ đường thí-nghiệm hoặc xui Khoa-Học hiểu biết thêm về vũ trụ.

I

Kiến-trúc vật-chất

Trong một bài về « Tiến bộ của khoa Vật-lý học » (1) tôi đã có dịp nói đến vấn-đề này. Tôi chỉ xin nhắc lại rằng: theo thuyết hiện hành mà ông Niels Bohr là người đầu tiên đề xướng thì nguyên-tử của một chất đơn (nguyên tố) có thể so với một hệ sao, nghĩa là ở trung-tâm điểm có một cái nguyên-điểm (noyau) chứa điện dương và tập-trung gần tất cả chất-lượng (masse) của nguyên-tử, chung quanh cái nguyên điểm ấy chuyển-động ít nhiều điện tử (électrons) theo những qui-đạo nhất định. Số điện-tử ấy định đoạt mớ điện dương chứa ở nguyên điểm, và các nguyên-tố phân-cách nhau cũng vì số điện-tử nhiều hay ít. Hiện nay người ta đã biết được 92 nguyên-tố, có số điện-tử (nguyên-tử số) từ 1 (hydrô) đến 92 (u-ran) trừ hai số 85 và 87 chưa phát minh ra.

Hình 1 và hình 2 phác qua tượng-hình vài nguyên tốtheo thuyết ấy. Các quĩ-dạo tạm vẽ là hình tròn nhưng thật ra có hình thuẫn, hoặc hình rắc rối hơn. Những điều vừa kể đây, cũng như những hình quĩ-đạo, số nguyên-tử, v.v, toàn là những giả-thuyết gợi ra vì những xét đoán của các nhà vật-lý học về quang tuyến âm-tử (rayons cathodiques) quang-tuyến dương tử (rayons positifs), về hiện-tượng phóng xạ (phénomènes radioactifs) và vềphân-quang đồ (spectres lumineux). Và nhờ có máy phân-quang càng hoàn-hảo, càng tinh-vi, nhà vật-lý học đã có thể phân tích phân-quang-đồ

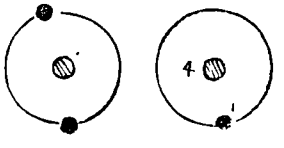

Hình 1

(1) Xem T. N. số 17 và 18.

của các nguyên-tố được triệt-để. Kết quả những phép phân-tích ấy đã giúp cho nhà vật-lý toán-học suy đoán rằng những điện-tử ngoại nguyên điểm họp hẳn thành lớp khác nhau : lớp K, L, M, N, O, P. Mỗi lớp có thể chứa một số điện tử nhất định và lớp ngoài đầy rồi mới đến lớp trong. Vậy thì cứ bất kỳ một nguyên-tử nào, cũng có một ít điện tử nằm ở lớp ngoài, số điện-tử ấy có thể từ 1 đến 8 nhưng đến 8 thì lớp ngoài cũng vừa chật những lớp như vậy gọi là lớp vọn toàn. Lớp K thì đến 2 đã chật, cho nên chất kê liêm chỉ có 2 điện-tử mà về tính chất hóa-học cũng giống Né-ông (10), Ac-gon (18) v. v. Lớp L, ngoài lớp K thì có thể chứa 8 điện tử mới chật lớp M cũng thế, song đến lúc lớp N bắt đầu có điện tử (từ chất Ka-liêm) thì một hay hai điện tử của lớp N có thể rơi xuống lớp M cho đến lúc lớp M đựng cả thảp 18 điện-tử thì lúc ấy mới vẹn.

Hóa giá.— Mà người ta đã nghiệm rằng chỉ có thế-hệ vẹn toàn ở lớp ngoài mới vững chắc : như các khí He, Ne, A, N. V. thì rất vững vàng mà cũng vì thế rất ít tính hướng về biến-hóa: đó là những chất trì độn (éléments inertes). Trái lại những chất nào mà nguyên-tử có một lớp ngoại còn trống thì lại hay xu hướng về dẫn-dụ nguyên-tử để cho trọn vẹn lớp ngoài : đó là những chất âm điệu (éléments électros négatifs) vì lúc đã dẫn dụ được điện-tử thử thì các nguyên-tử ấy thành ra iông âm-tử (ion négatif). Hoặc nguyên-tử ấy cũng có thể mất những điện tử ở lớp ngoài, thành ra những iông dương-tử đó là những chất dương-điện (éléments électropositifs). Cố nhiên là những chất mà lớp ngoài chỉ còn một chỗ trống (đựng 7 điện-tử rồi) thì chỉ có thể dẫn được một điện-tử của một chất khác mà thôi, nghĩa là chỉ có thể họp với một nguyên tử của một chất mà lớp ngoài lại thừa một điện-tử : Thí dụ hai chất Cl và Na (hình 2). Hai chất ấy một chất thì có tính âm điện (cl) một chất thì có tính dương điện (Na). hai chất ấy hình như rất có ái-lực với nhau, năng hóa họp với nhau. Mà hai chất ấy cũng đồng sức hóa-họp (ái-lực ngang nhau vì một nguyên-tử của chất này chỉ có thể họp với một nguyên tử của chất kia mà thôi). Người ta nói rằng hai chất ấy đồng hóa-giá, và hóa-giá của hai chất ấy là một (valence 1). Những chất có thể mất, hoặc có thể dẫn được 2, 3... điện tử thì cố nhiên là hóa-giá bằng 2, 3... Mà cũng là hóa-giá âm điện hay dương-điện cùng là có thể dẫn hoặc mất 2, 3....điện tử. Đó là « điện hoa giá »(électrovalence).

Nhưng cũng có chất có thể họp với chất khác không cần dẫn, hoặc nhường một điện tử. Thí dụ như hai chất A và B và nguyên-tử đều có lớp ngoài đúng 7 điện-tử thì có thể góp đôi lại, có một cặp điện-tử sẽ là của chung của hai nguyên-tử. Đo là những chất có « đồng hóa-giá » (covalence), và những chất như thế, trong hóa-học hữu-cơ rất nhiều.

Chính trong hóa-học hữu cơ (chimie organique) những điều hiểu biết về kiến trúc vật chất đã giúp một phần rất lớn cho sự tiến-bộ về cả mọi phương. Khởi nguyên cuộc đại phát triển ấy tự ngày 2 ông Le Bel và Van't Hoff xướng ra giả-thuyết rằng nguyên-tử của Cac bon (than) có thể hình tạc bằng một khối bốn mặt tam-giác đều nhau (tétraèdre régulier).

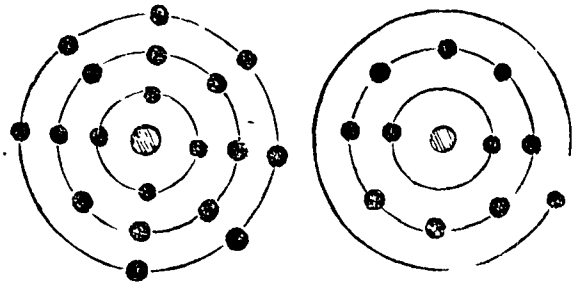

Hình 2

nguyên-điểm phải ở trung điểm khối ấy, và ở bốn góc sẽ móc nguyên tử của những chất kết hợp. Thí-dụ như chất mê-tan là CH 4 sẽ phải miêu-tả như hình 3a. Cố nhiên là thuyết hóa-giá như trên này phải giảng được hình-tạc ấy ; việc này không khó và người ta đã chứng minh được rằng lớp ngoài của nguyên-tử Cac bon chỉ có 4 điện-tử, thành-thử trong lúc bình-thường 4 điện-tử họp với 4 điện-tử có san để làm thành một lớp ngoài vẹn-toàn thì dụ trong mê-tan thì 4 điện-tử ấy mượn của 4 nguyên-tử hy-drô, trong ê tan 2 CH 6 thì 6 điện-tử mượn của 6 hy-drô, còn thì 2 cac bon để chung một điện-tử (đồng-hóa-giá) (hình 3c).

Đồ-hình nguyên-tử bằng những khối tứ-diện như thế, sau này người ta xét ra rất giản-tiện và nhất là rất thích-hợp với nhiều tính-chất hóa-học của chất vô-cơ cũng như của chất hữu cơ. Nói về chất vô cơ, người ta đã tạc được và miêu-tả được một cách mỹ-man tất cả các chá chuyển hóa tự ni trô, hoạc 8 tự diêm-sinh, phốt-pho, v.v. Riêng về các chất-hưu cơ, đồ-hình nguyên-tử các bon theo khối tứ-diện trên

ý áp-dụng rất là to tát và trong gần nửa triệu chất mà hiện nay hóa-học đã kiếm hoặc chế ra không có một chất nào là nhà hóa-học không quy cho một đồ-hình miêu tả rõ ràng kiến trúc cách gắn-kết của nguyên-tử và từ đó giảng giải được, hoặc hơn nữa, đoán trước được tất cả tính chất. Tôi muốn nhắc qua những đồ-hình phiền-phức hơn nhiều, phát triển từ đồ-hình tứ-diện của Cac-bon, tức như đồ hình 6 góc làm cột tre cho nhiều chất hữu-cơ về loại chất thơm (hình 4).

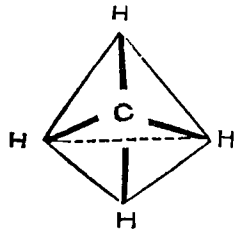

Hình 3 A

II

Luận về cơ-giới các cuộc biến hóa

Bây giờ đã biết qua cách giải kiến-trúc các phân-tử vật chất, chúng ta có thể phác qua những thuyết mà nhà hóa-học phải dùng để tạc các cuộc vật-chất biến-hóa.

Thuyết cội là *thuyết vận động* (théorie cinétique), mà nhà vật-lý học ý Daniel Bernoulli đã dề-xướng tự năm 1730. Theo thuyết ấy thì các chất khí gồm bằng phân-tử rời rạc nhau và luôn luôn vận-động, một phân tử có thể chuyển đi hàng nghìn thước trong một giây. Trong một chất nước, các phân-tử còn chuyển động nhưng trong phạm vi nhỏ hẹp hơn, còn trong chất đặc thì các phân tử và nguyên-tử hình như bị mắc lại những chỗ nhất-định, chỉ được chấm động nhẹ chung quanh chỗ ấy mà thôi.

Vậy thì, trừ các chất đặc ra, người ta có thể nói rằng, dưới bộ mặt yên lặng của vật chất, bộ mặt điềm tĩnh chỉ vì con mắt ta không đủ tinh-vi để trông thấy những chuyển động hoặc thay đổi, vật chất dường như hoàn toàn chấn động, không có một phân-tử nào là đứng yên được một chỗ trong một phần trăm, một phần nghìn của một giây. Và nếu chúng ta nhìn một khối nhỏ là 1 phân vuông chẳng hạn, thì trong một giây có những ức ức triệu phân-tử ra vào, nhưng số phân-tử rời chỗ ấy mà đi xa, gần ngang bằng số phân-tử ở chỗ khác nhập đến. Thành thử số phân-tử đựng trong 1 phân vuông hình như không thay đổi, và dù là 1 phân vuông lấy ở chỗ nào, số ấy cũng nhất như một. Đó là một kết quả mà khoa cái-nhiên toán-học (calcul des probabilités) đã chứng minh rất rõ-ràng.

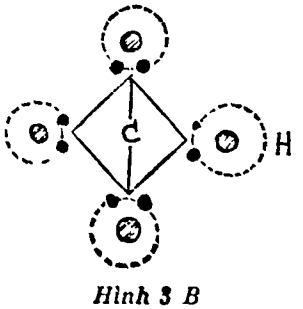

Hình 3 B

Cũng khoa cái-nhiên toán-học đã trù tính được rằng vì các phân-tử luôn luôn chuyển-động như thế, nên rất thường hoặc đụng chạm nhau, hoặc chạm vào thành các bình đựng. Sức chạm của phân tử vào thành bình, sinh ra sức ép mà các chất khí hoặc nước lúc nào cũng ép xuống thành các bình đựng. Cái-nhiên toán học đã biết tính cái sức ép ấy, do số các nguyên-tử có trong một khối nào, và do tốc-độ của nguyên-tử. Sức ép mà khoa-học tính ra hợp rất chặt chẽ với sức do ở thực tế. Hơn nữa lúc nào độ nóng lên cao, tốc-độ của các phân-tử tăng lên, cái-nhiên toán-học làm lại tính cũng biết được rằng sức ép thêm lên chừng nào, đúng hẳn với những điều nghiệm xét.

Còn những phân-tử đụng chạm nhau, thì không quan-hệ gì hết nếu trong một khối chỉ có phân-tử của một chất, hoặc của hai ba chất trì độn. Trái lại, nếu là phân-tử của hai hoặc ba hay nhiều chất có xu-hướng hóa-học về biến hóa, thì trong lúc đụng chạm như thế, các phân tử có thể giải ly ra, và những nguyên tử được mở thoát ra hoặc dẫn-dụ, hoặc nhượng một vài điện-tử, thành nguyên-tử này ghép với nguyên-tử nọ, hóa thành những chất mới. Đó là cơ-giới cuộc biến-hóa mà nhà hóa-học ngày nay đã hiểu biết được gần hết các định-lệ.

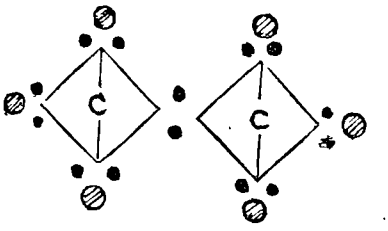

Hình 3 C

Hơn nữa, do cách miêu tả ấy, nhà hóa-học có thể tính được trong thời gian là bao nhiêu, thì hai lượng của hai chất chẳng hạn, có thể hoàn toàn biến hóa ra chất khác, hoặc nếu không thể biến-hóa hoàn toàn được thì hết một kỳ gian nhất định, có mấy phần đã biến hóa ra. Đó là những vấn đề mà bây giờ sau hai nhà hóa học Guldberg và Waage, người ta đã có thể giải quyết một cách rất mỹ mãn.

Bây giờ thì ta hiểu tại sao những cuộc biến hóa về hóa-học chỉ có thể xảy ra giữa các chất hơi, hoặc chất nước, hoặc cùng lắm giữa chất

nước hay hơi và chất đặc. Chớ những cuộc biến-hóa giữa hai chất đặc thì rất hiếm, lý-thuyết về các cuộc biến-hóa ấy cũng còn hơi sớm quá. Dù sao, lý-thuyết ấy cũng đã giúp cho ta hiểu được

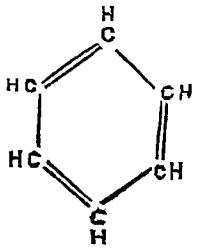

Hình 4

tại sao-những cuộc biến-hóa dễ dàng hơn lúc ta ép các chất khí, hoặc lúc ta nâng cao độ nóng lên, thành thử rút cục ta xui nguyên-tử năng động chạm nhau hơn, dễ trao đổi điện-tử hơn, nghĩa là dễ kết hợp với nhau hơn.

Còn luận-thuyết về hiện-tượng tiếp-xúc tác dụng thì chưa được ổn lắm, các thuyết-gia vẫn còn chưa đồng-ý, nhưng có lẽ nó là một cuộc gián-tiếp biến-hóa, chất tiếp-xúc (catalseur) có thể là một chất rất hoạt-động, hay kết hợp với chất này giải ly ra mà gan chất ấy với một chất khác.

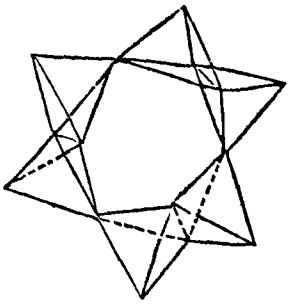
Hình 4

Tóm tắt những y-tưởng về cac cuộc biên hóa là như thế. Hiện nay, có cả một khoa học mới xuất hiện để chuyên môn giải thích những vấn đề tôi vừa mới kể qua trong chương này. Khoa ấy là khoa « Vật-lý hóa-học » (chimie physique) vì nó là một khoa tổng hợp hai khoa Vật-lý và hóa-học, mà khoa « Hóa-học phần nhân » (chimie nucléaire) chỉ là một môn trong khoa ấy. Như thế đủ biết cái phạm vi của sự học càng ngày càng rộng là bao nhiêu và trí người ta càng phải hạn định giới-vực mình muốn suy tầm.

NGỤY NHƯ KONTUM

CÁC NGÀI LƯU Ý TRONG LÚC

Dùng chè Đồng-Lư'o'ng

Chúng tôi nhận được thư của nhiều bạn hàng và các nhà sành trà báo cho chúng tôi biết hiện nay có rất nhiều thứ chè làm giống như chè ĐỒNG-LƯƠNG và có nhiều kẻ tự sưng là người của hiệu ĐỒNG-LƯƠNG mang những thứ chè rất xấu đó đi bán rao khắp nơi nữa.

Vậy chúng tôi xin nhắc để các bạn hàng yêu quý của chè ĐỒNG-LƯƠNG rõ: TỪ 20 NĂM NAY CHÈ ĐỒNG-LƯƠNG KHÔNG BAO GIỜ CHO ĐEM ĐI BÁN RAO NHƯ VẬY.

Và trong lúc chúng tôi nhờ pháp luật đò xét trừng trị bọn vô lương tâm đó, chúng tôi ước mong các ngài nếu thấy một kẻ nào mạo nhận là người của chúng tôi cho đi bán rao trà thì xin vạch rõ cách hành động đê hèn của chúng trước quốc dân, để trừ tiệt những kẻ khốn nạn dùng lối cạnh tranh hèn mạt, ngu dại làm phi tiếng hàng nội hóa và làm cản trở sự tiến bộ của nền công nghệ Việt-Nam. Chung tôi lại mong các ngài mỗi khi mua trà xin đến thẳng Tổng-cục chè ĐỒNG-LƯƠNG ở số nhà 40 PHỐ HÀNG NGANG HANOI hoặc các Đại-lý chè ĐỒNG-LƯƠNG ở khắp các tỉnh thì sẽ không bị nhầm và bị lừa dối.

CHÈ ĐỒNG - LƯƠNG kính cáo

Lịch-sử cuộc xung đột giữa phái Khổng-học và Đạo...

ĐẶNG THÁI MAI

I

Về hồi Xuân-thu (722-480 trước Gia-tô), đang lúc sinh thời Lão-Tử và Khổng-Tử xét trong những sử-liệu đã được nhận là đích xác không có chứng cớ gì tỏ ra hai nhà đại-triết-học đã khích bác nhau.

Suốt hai mươi thiên Luận-ngữ chúng ta không hề thấy Khổng đã chỉ đích-danh họ Lão mà hạ một lời công-kích. Họa chăng thỉnh thoảng mới thấy có một lời phê-bình đại-cương về ý chỉ nhu đạo mà thôi. Tuy vậy một mặt ta thấy Khổng muốn đem quan-niệm công-bình «lấy đức (ân) báo đức, lấy lẽ thẳng (trực) mà báo oán» — để thế vào luân-lý quan quả mềm mỏng của Lão, (Luận-ngữ thiên XIV — Hiến vấn), Khổng cũng vẫn công nhận rằng luân-lý của Lão-Tử cũng cần có nhiều nghị-lực và cũng là một thái-độ bạo-mạnh (cường) của người miền Nam. (Di dân nhà Ân hồi bấy giờ phần nhiều ở về miền Nam sông Hoàng-hà) (Trung-dung chương X).

Đối với đồ-đệ họ Lão, thái-độ «Đức Thánh» xem ra có vẻ rắn rỏi hơn, nhất là lúc cần phải bảo vệ lễ-nghi của tiên-vương. Thiên Hiến-vấn còn chép lại câu chuyện Khổng-Tử đối-đãi với Nguyên Nhượng. Nhượng là bạn cũ của Khổng, và cũng là một tín-đồ của Lão vẫn muốn đem học thuyết của thầy mà thi hành triệt-để. «Lính mới» xưa nay vẫn hăng. – Nên lúc mẹ mất, Nguyên Nhượng chỉ ngồi ca, tỏ ra vẻ đã thoát-tục và đã khinh-miệt hết tất cả luân-lý, lễ-nghi xưa nay. Một hôm Khổng đến thăm «Cố nhân», Nhượng không áo mũ chỉnh tề ra đón mà chỉ ngồi xổm chờ. Khổng mắng ngay rằng: «Lúc trẻ không biết từ tốn, lớn lên chả làm được việc gì, rồi đến già mà không chết, thì chỉ làm giặc! (làm hại người!)» Và Khổng lấy gậy đánh vào chân Nguyên Nhượng. Đầu đuôi câu chuyện là thế. Tuy vậy, mấy câu «thuyết-pháp» gắt gao trên đây và gia vào mấy cái đùi gậy — thánh đã gõ vào chiếc giò vô lễ ho Nguyên, cũng chưa có thể kể là một «hiệp» trong lịch sử xung đột giữa hai học thuyết.

Chỗ giao-tế giữa Khổng và Lão, trong sinh-thời các ngài, có thể nói là thân-thiện. Chúng ta đã thấy Khổng vẫn nhận Lão là một bực tiền bối và đã đi vấn-lệ họ Lão. Và trong học-thuyết Khổng thỉnh-thoảng cũng có một ít ý chỉ Đạo-đức Kinh.

Số là hai hệ thống tư-tưởng vẫn chung nhau một ngọn nguồn trong triết-lý đạo Nho, và đều «căn bản ở kinh Dịch. «Chẳng qua họ Khổng thời «giảng kinh Dịch đời nhà Chu (Chu-dịch) mà họ «Lão thì truy nguyên mà nghiên cứu kinh Quy-tạng.» (1) là Dịch lý trước đời nhà Chu.

Vả chăng nhân cách hai nhà Triết học đào luyện ở khuôn phép nhà nho và ở xã-hội bình-tĩnh của một dân tộc làm nghề nông, đều rất từ tốn lễ mạo. Vậy nên sự bất đồng ý của họ cũng không có thể gây nên sự quyết-liệt giữa hai bên.

Một mặt nữa, hồi bấy giờ thế lực học thuyết Khổng đã chi phối được tư-tưởng nước Tàu, mà triết lý vô vi của Lão thời chưa thành một tư-tưởng có hệ-thống đủ lực lượng có thể gọi là một kình-địch của học-thuyết họ Khổng: Chúng ta biết rằng hai chữ Đạo gia (hay Đạo-đức gia) mãi đến đời Hán mới thấy dùng lần đầu trong bộ sử-ký của Tư mã Thiên. (145-86 tr. G. T.)

II

Những thời kỳ loạn-lạc, những cuộc khủng-hoảng trong lịch sử nhơn loại cũng là những thời kỳ mà trí khôn giống người đã bị kích-thích và trở nên hoạt-động. Hồi Chiến-quốc (482-222 tr. G. T.) trong lúc xã-hội phong kiến vỡ lở ở nước Tàu, trong lúc dân Trung-quốc lầm than, khổ sở với lòng tham của một bọn công, hầu chỉ lo xâm-loát lẫn nhau, mà «tranh vương, đồ bá», thì khối óc bọn học giả cũng sôi nổi lạ thường. Nhận thấy rằng xã-hội hiện thời đã kiến thiết trên những nguyên tắc lầm lạc, họ sẽ đem những lý-thuyết xưa kia họ vẫn được tôn sùng mà kiểm-điểm và phê-bình lại. Tình thế hồi Chiến-quốc tức là một tình thế khủng-hoảng về cả mọi phương-diện kinh-tế, chính-trị và văn-hóa. Vì thế mà lúc bấy giờ học giả đã chia ra thành nhiều tông phái. Các nhà sử đem bao nhiêu khuynh hướng hồi ấy ra mà phân loại đã có thể phân biệt sáu «nhà» (lục gia) hoặc chín «dòng» (cửu lưu) hoặc mười «nhà» (thập gia) khác nhau. Phái diện nẩy nở ra nhiều, lẽ cố nhiên các nhà lĩnh-tụ, – bọn Chư-tử – sẽ đua nhau mà «kêu gào» (Chư-tử tranh minh) — và cố công mà mạt sát phái địch để truyền-bá tư-tưởng mình.

Trong những trường-hợp này, sự xung đột giữa phái Khổng và phái Lão cũng sẽ dần dần hiển hiện ra sự thực. Tuy vậy trong đoạn đầu thời kỳ Chiến-quốc cuộc tranh biện cũng chưa thấy có khí sắc hoạt-động gì mấy.

■

Hai nhà đại-biểu rất thế lực của phái Khổng hồi Chiến-quốc là Mạnh Kha (thế-kỷ thứ IV tr. G. T.) và Tuân Khanh (thế-kỷ thứ III tr. G. T.)

Mạnh-Tử chính là đồ-đệ chính tông của họ Khổng vì tâm pháp mà họ Mạnh đã lĩnh-hội được chính là do Tăng Sâm, Tử-tư truyền lại. Mạnh lại là một nhà lý luận có tài hùng biện. Nhận lấy trách nhiệm công kích hết cả mọi «tà thuyết» để biểu dương đạo Thánh (Khổng học), Mạnh đã kịch-liệt thiết chiến với các học giả phái khác. Nhưng trong bộ Mạnh tử, ta vẫn chưa hề thấy Mạnh đã công-kích học thuyết Lão-tử.

Số là kẻ đối địch với học thuyết Trọng-Ni hồi bấy giờ, cũng vẫn chưa phải là đồ-đệ họ Lão. Giải thích thái-độ của mình đối với các phái khác, Mạnh-Tử nói cùng Công-độ-tử rằng: «Nào có phải ta là hiếu-biện đâu... Đứng Thanh vương không thấy giấy lên, các chư hầu tha hồ làm càn; bọn xử-sĩ đua nhau bàn nói xằng-xiên. Học thuyết Dương Chu và Mặc Dịch tràn ngập khắp cả «thiên hạ». Những tay ăn nói trong thiên-hạ không theo phái Dương thì theo phái Mặc. Họ Dương chủ trì thuyết vị ngã, nghĩa là vô quân; họ Mặc chủ trì kiêm ái, nghĩa là vô phụ. Vô quân, vô phụ, tức là loài cầm thú. Đạo Dương, Mặc không tắt thì đạo Khổng không thể rõ-rệt... Ta lo vì thế, mới phải binh vực đạo tiên-thánh chống với Dương, Mặc; công-kích những tà thuyết... Nào phải ta hiếu biện đâu; bất đắc dĩ đấy thôi!....» (Mạnh-tử chương Đằng Văn Công phần thứ II).

Đối với Dương, Mặc, thái-độ Mạnh-Tử thiệt không mập-mờ tí nào. Mà không phải một lần. Còn nhiều chỗ khác nữa, Mạnh Kha vẫn công-kích hai học thuyết trên này bằng những câu nói kịch-liệt. Vậy thì về thời Mạnh-Tử, thù nhơn phái Khổng Không phải là đồ-đệ họ Lão mà chính là bọn Dương, Mặc.

■

Đến thời-kỳ Tuân-Tử, cuối đời Chiến-quốc thì sự tranh cạnh giữa hai Khổng học và Đạo học đã thành sự thực. Thỉnh-thoảng ta đã thấy Tuân Khanh đá một câu vào Lão, Trang. Đứng về phương-diện triết-lý, Tuân-Tử chê Lão-Tử là chỉ biết chỗ «Khuất» (nao núng) và không biết chỗ «thân» (ngay thẳng), nghĩa là chỉ biết nhún-nhường, không biết bạo gian, chỉ thấy sự yếu đuối hèn hạ của tính người, không thấy sự hay, sự bạo gian, (Tuân-tử quyển XI, thiên XIII: Thiên luận).

Trọng thiên Giải-Tế (cởi những sự lẽ đã che mắt người). (Tuân-tử XV; thiên XXI; Tuân-Tử công kích Trang-Tử: «Trang-Tử vì trời che mù cả mắt mà không thấy đến người.» Nghĩa là theo ý Tuân-Tử, thời thái-độ siêu việt và phóng nhiệm của Trang Chu, chỉ buông thả theo tự nhiên thì quyết không thể biết tính người, lòng người, đạo làm người, và không thể trị đời, hóa dân được.

Trong thiên Phi thập nhĩ tử, (Tuân-tử, quyển III, thiên VI), đồ đệ Lão Trang đã bị liệt vào hàng đầu trong những bọn học giả mà Tuân-tử mục cho là đã «nhân đời loạn lạc, mà đem những tà thuyết truyền ra trong những câu nói văn hoa, để cho thiên hạ lầm.» Tuân Tử cho rằng bọn đồ-đệ Lão, Trang là một bọn «tính tình phóng túng, cử chỉ lố lăng, chả khác gì nết cầm thú. Họ không hiểu nghĩa lý, không hiểu đạo trị dân; thế mà họ cũng chứng dẫn lời cổ nhân, nói ra rất trôi chảy, để lừa dối bọn người ngu».

Chỗ dụng ý của Tuân Tử và dong nói trong thiên Phi thập nhĩ tử cho ta biết rằng: cuối đời Chiến-quốc, phái Lão và phái Khổng đã ra mặt bài bác lẫn nhau. Số là hồi bấy giờ, phái Khổng đã phải đối phó với một tay kiện tướng đạo học, là Trang Chu.

(1) Lương n. Minh. — Đông-tây văn-hóa cập kỳ triết học. — (Văn-hóa và Triết học phương Đông sánh với phương Tây). tr. 147.

Trang Chu là một nhà đạo học rất cao siêu. Và cũng là một nhà văn rất bóng bẩy, rất bạo dạn.

Đào luyện trong giáo chỉ họ Lão ra, Trang-Tử đã nhiều lần công-kích phái Khổng học trong bộ Nam-hoa kinh.

Xung quanh bộ sách này, còn nhiều vấn đề tồn nghi:

Quyển Nam-hoa kinh xuất bản lần đầu từ bao giờ? — Nguyên văn thế nào? Những ai đã phụ họa vào nhiều đoạn mà ta biết là không phải của Trang-Tử?

Ấy là những vấn-đề còn chưa giải quyết.

Hẵng để riêng những thiên rất khả nghi như thiên Đạo-chích và một phần lớn phần Ngoại-thiên và Tạp-thiên ra ngoài.

Ta nhận thấy rằng trừ hai ba thiên đầu ra, bộ Nam-hoa kinh, luôn luôn thấy đề khởi đến tên Khổng-Tử.

Trong thiên Thiên-vận (Nam-hoa ngoại thiện, quyển thứ V), có chép một đoạn khá dài nói về việc Khổng gặp Lão. Đại khái nói: Lúc đã năm mươi mốt tuổi, Khổng-Tử vẫn chưa hiểu đạo. Bèn đi đến miền Nam tìm Lão-Tử. Khổng phàn-nàn rằng: «Đã tìm đạo năm năm trong độ số, mười hai năm trong âm dương mà vẫn chưa được thấy đạo».

Lão-Tử giả lời: «Phải rồi! Nếu đạo mà có thể «tiến» được, thời ai chẳng đưa mà tiến cho vua? Nếu đạo có thể biếu được, thời ai chẳng đưa mà biếu cha mẹ? Nếu đạo mà dạy được thì ai chẳng dạy cho anh em? Nếu cho được thì ai chẳng đưa cho con cháu?.. Nhưng không thể được!. Có vì sao đâu: chẳng qua lòng chưa có chủ định thì dầu có được nghe đạo cũng chỉ bỏ qua mà đi!»

Cũng trong thiên «Thiên-vận» Khổng phàn-nàn rằng đã chép xong sáu kinh (1), đem dấu tích vua xưa để dạy thiên-hạ, mà người đời thiệt khó dạy, đạo quá khó giảng...

Lão-Tử giả lời: «Lục kinh là dấu cũ của tiên-«vương. Đã là một cái dấu thì không có thể để «lại một cái dấu nữa. Vậy lời nói của thầy ngày «nay cũng chỉ giống như một cái dấu, cái vết mà «thôi. Đôi giầy mình đi xuống đất thì in thành cái «dấu, chứ dấu có phải là giầy đâu!»

Khổng-Tử về, ngồi nghĩ luôn trong nhà ba tháng không bước chân ra ngoài, rồi mới hiểu rằng đạo chỉ có thể tự lĩnh hội lấy chứ không có thể truyền được.

Về phần nội-thiên, — một sử liệu chính xác hơn — cũng còn nhiều đoạn ngụ ý chê bai cái công-toi của họ Khổng đã ra hết sức hơn để mà học đạo. (Thiên Đại-tôn-sư, Nam-hoa kinh, quyển II) chép một đoạn đàm-đạo sau này giữa Khổng-Tử cùng Nhan Uyên (Nhan Hồi, người cao-đệ bực nhất của Khổng):

«Nhan Hồi nói:

— Hồi xem chừng lâu nay học đạo đã tấn ích...

Khổng-Tử hỏi: «Nghĩa là thế nào kia?

— Nghĩa là tôi đã quên hết thảy các quan niệm về nhân và nghĩa.

— Khá rồi đấy... Nhưng cũng chưa đủ...

Sau đấy ít lâu, Nhan Hồi lại nói:

— Lần này, Hồi xem chừng học khá hẳn lên nữa...

— Nghĩa là...?

— Nghĩa là tôi quên nốt cả lễ, nhạc.

— Khá rồi đấy!.. Nhưng cũng vẫn chưa đủ...

Lại ít lâu nữa, Nhan Hồi lại đến và lại nói:

— Lần này thì thiệt tôi cảm thấy sức học đã tấn tới hẳn.

— Nghĩa là thế nào?

— Bây giờ đây, tôi đã đến trình-độ «tọa vong» (ngồi mà quên).

Khổng xanh hẳn nét mặt, hỏi:

— Thế nào là «tọa vong»?

— Là tôi đã rời rũ cả chân tay, mất hết thông minh, thoát cả hình-hài. Trí-khôn đã «đồng» (hợp làm một) với «đại thông» (tư cách của trí-khôn có thể hiểu hết mọi sự vật).

Khổng-Tử nói:

— «Đồng» thời không ham mê gì nữa. «Hóa» nghĩa là không thường tùy theo sở thích. Anh thiệt là bực hiền rồi. Ta xin theo đường sau anh (theo học cùng anh) mà thôi!

Đọc bộ Nan-hoa kinh, ta có thể nhận thấy nhân cách một cụ Khổng đã nhọc lòng với sự học, nhưng vẫn chỉ ngơ-ngác trước bể «trí hải», không bờ không bến. Rồi chung quy chỉ biết được một điều là: mình không có thể biết được gì hết! Vậy trước hết phải bỏ hết những mối dục vọng muốn học, muốn biết «Bớt mãi, bớt hoài, cho đến lúc không còn gì nữa!» Thì ra chân lý lại ở trong hai chữ hư vô và chỉ có đạo Lão-tử mới thiệt là Đạo.

Luận điệu bộ Nam-hoa kinh nhan nhản những dọng ngụy-biện, nhiều chỗ không đứng đắn gì. Nhưng văn Trang-tử thiệt là một thứ khí-giới lợi hại. Trang Chu đã khéo đem những lời nói nửa thật nửa bỡn để làm cho người ta phải phì cười, phải hoài nghi với những tín-điều, những nguyên tắc căn bản của Khổng học như là vương-đạo, thánh giáo; luân thường, đạo lý, và những quan niệm: Nhân, nghĩa, lễ, trí v. v...

Ma-lực của câu cười là thế; nó làm cho ta ngờ vực cả thế lực các thần-thánh mà xưa nay đã được tôn sùng. Bao nhiêu tòa cổ miếu đã mất linh, mất tính cách tôn nghiêm là bắt đầu từ ngày một vài cậu bé ngông cuồng đã dám cả gan bước chân vào và giang cánh tay phỉ-báng mà vuốt râu mấy bức tượng sơn son thếp vàng...

Đ. T. M.

(1) Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Dịch, Xuân-thu.

NGÀY KỶ-NIỆM CỤ TIÊN-ĐIỀN NGUYỄN DU

TẬP THƠ VỊNH KIM-VÂN-KIỀU CỦA CỤ HÀ TÔN QUYỀN

Ngày mồng 10 tháng 8 (ngày 18 Septembre 1942) ngày kỷ-niệm cụ Nguyễn Du, một nhà đại văn-hào Việt-nam về đầu triều Nguyễn ta, cụ là tác giả quyển truyện Kim-Vân-Kiều, quốc dân ai cũng biết. Năm nay, xuất từ trong Nam tới ngoài Bắc, các hội học đều có dự định theo nếp cũ cùng ngày ấy cùng làm lễ kỷ-niệm cụ, tức là một ngày kỷ-niệm cái hồn văn Việt-nam. Bởi vậy hội Quang-trí Huế có xuất bản một *tập Văn, họa kỷ-niệm Nguyễn Du*, có các hội Khai-trí, Trí-chi ở Hà-nội, khuyến học, Samipic ở Saigon ủng-hộ. Nay chúng tôi cũng biểu đồng ý, xin trích đăng *tập thơ vịnh Kiều* của cụ Hà tôn Quyền, gọi là góp phần với Quốc dân kỷ-niệm cái hồn văn của Việt-nam nhà. Chúng tôi sở dĩ trọn tập thơ của cụ Hà là vì cụ Hà đồng thời với cụ Tiên-Điền.

Cụ Hà tôn Quyền, tự là Tốn-Phủ, hiệu là Trúc-Đường người làng Cát-động, huyện Thanh-oai (bây giờ là phủ) tỉnh Hà-nội, sinh năm Cảnh-hưng canh-tí (1780), đỗ tiến-sĩ năm Minh-mạng thứ ba (1822, mất năm Minh-mạng thứ 20 (1839), khi mất tặng Lại bộ Thượng-thư. Cụ Hà là người có văn tài hồi đó, còn thi văn tập để lại cũng khá nhiều; tường *truyện* cụ chép trong *Đại Nam liệt truyện chính biên* nhị tập, quyển 25, tờ thứ 8 đến thứ 10. Tập thơ vịnh Kiều này là tập thơ ứng chế, nghĩa là vua Minh-mạng hỏi thì cụ ứng khẩu làm ngay, bởi thế nên truyền tụng. Toàn tập có hai tiểu tập, một tập có 30 bài, mỗi bài có 4 câu, làm thể lục bát; một tập có 15 bài, làm thể thất ngôn tứ tuyệt. Tập thơ vịnh Kiều này có hai bản: một bản chữ nôm chép tay sắc giấy cũ kĩ; một bản in vừa chữ nôm vừa chữ Quốc ngữ khắc lối tân, do nhà Liễu-văn đường xuất bản năm Duy-tân thứ tám (1914). So hai bản cũng sa sẩn nhau, một vài chỗ khác nhau do thợ in khắc nhầm. Dù sao chúng tôi cũng theo bản viết cũ hơn, chua thêm một vài chỗ khác của bản in ở dưới trang cho tiện việc khảo cứu. *T. V. G. sao lục*

Tập thơ

1 — Thanh-minh.

Chín chục thiều-quang lẻ sáu mươi,
Chị em sắm sửa bộ hành chơi,
Bỗng đâu gặp gỡ nên dan díu
Mấy đoạn căn duyên dở khóc cười.

2 — Điếu Đạm-tiên.

Ngán ngẩm tình si nước mắt đầy,
Khóc người nằm đấy biết chăng hay.
Má đào mệnh bạc nhời chung cả;
Xin mượn nhời xưa viếng kẻ này.

3 — Ngộ Kim-trọng

Bỗng chốc người đâu gặp gỡ chi
Trăm năm chẳng biết có duyên gì
Từ đây nam, bắc chia đôi ngả,
Đem chữ tương đề dưới chữ ti.

4 — Mộng Đạm-tiên

Còn chút tinh anh vẫn chửa tan,
Chiêm bao luẩn quất ở bên màn
Cùng nhau kể lể cung tiền định.
Thức dậy còn ngấn lệ chứa chan

5 — Ngộ Kim-trọng

Hai chữ nhân duyên những đợi chờ
Kể từ gặp gỡ đến bây giờ,
Trăm năm thề thốt (1) nhời ghi tạc
Một chiếc thoa vàng một bức thơ.

6 — Ngộ gia biến

Chửa vui sum họp đã pha phôi,
Tình hiếu mà đem thử bắc coi,
Ngán nỗi giời xanh ghen má phấn
Bao giờ kể lại truyện đầu đuôi.

7 — Mại thân

Sót người khuê khổn bấy lâu nay,
Tấc cỏ khôn đem báo đức dầy,
Không chịu một hai thưa ả Lý
Nghĩ hay hay nghĩ mặc sau này,

(Xem tiếp trang 31)

(1) Thề thuyết (bản in)

MẤY ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ THỂ LỆ TRƯỚC BẠ CÁC VĂN TỰ CỦA NGƯỜI NAM

(Tiếp theo và hết)

2·) THỂ LỆ TRƯỚC BẠ ĐỊNH RIÊNG CHO VÀI THỨ VĂN-TỰ CÓ TÍNH CÁCH THƯƠNG MẠI

a) Những văn-tự nào được hưởng thể lệ riêng ấy?

Theo điều thứ 149 trong nghị-định ngày mồng 6 tháng Novembre năm 1929, muốn được hưởng thể-lệ riêng về luật trước-bạ, các văn-tự phải gồm đủ hai điều-kiện : một điều-kiện về hình thức, và một điều-kiện về nội-dung.

Về hình thức, bức văn-tự phải làm theo lối giấy má các tư-gia làm lấy với nhau, tức là lối tư-thứ chứng-thư (actes sous signatures privées). Như vậy, nếu văn-tự làm ở no-te, hoặc làm với nhà-nước hay các công-sở, hoặc làm trong lòng những tờ trát của mõ tòa, hoặc nữa là những khế-ước nói miệng với nhau, đều không được hưởng thể-lệ trước-bạ riêng này.

Về nội-dụng, bức văn-tự phải có tính-cách thương-mại. Theo trong nghị-định ngày 6 Novembre 1929, những bức văn-tự có tính cánh thương-mại là những bức văn-tự kê khai ở điều thứ 632, 633 và 634 — 1· trong bộ luật thương-mại Pháp-quốc. Kê lại những thứ văn tự ghi trong mấy điều luật ấy rất tỉ mỉ phiền phức, chỉ nên nhớ rằng những thứ văn tự mà bộ luật thương-mại Pháp quốc cho là có tính cách thương mại có thể chia ra làm ba loại :

1·) — Một loại các văn tự ghi những việc giao dịch hàm cái ý cầu lấy lợi, thí dụ như buôn về để bán đi có lãi.

2·) — Một loại các văn tự giao kèo về thầu đấu, xưởng máy kỹ nghệ.

3·) — Sau nữa là loại giấy má thuộc về việc giao-dịch ở nhà băng (ngân hàng), những (thương-phiếu « *effets* » trong việc buôn bán, như hối-phiếu *traite, lettre de change.*)

Những văn tự thuộc trong ba loại ấy là những văn tự nguyên sẵn có tính cách thương mại. Theo như luật trước bạ thì chỉ xét theo cái bản chất bức văn tự cũng đủ không cần phải xét đến điều gì khác. Nhưng nguyên tắc ấy không được đúng lắm. Vì nếu ta không xét theo bản-chất bức văn tự mà xét lại theo tư-cách người đương sự trong bức văn tự, là nhà buôn hay không phải là nhà buôn, thì cái tư-cách nhà buôn ấy cũng truyền cho bức văn tự các tính-cách thương mại. Thí dụ như một nhà buôn mua một vài tấm vải, văn tự mua ấy có tính cách thương mại, vì phàm việc mua bán của nhà buôn, luật pháp phỏng đoán là có đính-dáng đến việc buôn cả, trừ ra có chứng cớ phân-minh trái lại thì không kể, và trong văn tự một người có tư cách là nhà buôn, bức văn tự cũng đủ có tính cách thương mại rồi.

Nhưng không phải là có tính cách thương-mại thì văn tự nào cũng được hưởng lệ riêng về trước bạ đâu.

Còn gì có tính cách thương mại hơn là văn tự mua bán cửa hàng buôn ? Thế mà điều 149 trong nghị định ngày 6 Novembre 1929 (đoạn cuối) nói rõ rằng những văn tự ấy không được hưởng lệ đặc biệt về thuế trước bạ.

Chỉ có những văn tự này mới được hưởng lệ riêng ấy thôi : đó là những giao kèo thầu-khoán với nhau để xây đắp, sửa sang, tu bổ, những giao kéo về các đồ vật thuộc về động sản có thể ước lượng giá tiền được, và những văn tự mua bán các động sản (trừ việc mua bán cửa hàng ra), mua bán mùa màng chưa gặt và « cúp » gỗ trong rừng.

Những văn tự kê đây tuy có một vài thứ thôi, song phạm vi của nó cũng rộng, bất cứ bức văn tự nào ghép được vào mấy thứ đó, đều được hưởng thể lệ trước bạ riêng cả. Nhưng phải nhớ một điều là trong luật nói : « những giao kèo thầu đấu với nhau » vậy thì chỉ có những « khế ước tương kết » nghĩa là hai bên làm văn tự đều có cam kết lẫn với nhau (*contrat synalagmatique*) — chứ không phải một bên cam kết còn một bên không phải cam kết gì — mới hợp lệ, còn những « khế ước độc kết » thì không được hưởng quyền lợi này (1).

Khế ước tương kết là khi hai bên lập ước có cam kết lẫn với nhau, mỗi bên đều có một nhiệm vụ và mỗi bên có một quyền lợi. Thí dụ như khế ước mua bán, bên mua có quyền lợi làm chủ cái nhà nhưng lại có nhiệm vụ trả tiền mua cái nhà ấy, còn bên bán có cái quyền lợi thu số tiền bán cái nhà nhưng lại có nhiệm vụ phải giao cái nhà bán ấy cho người mua.

Còn khế-ước độc-kết là khi hai bên lập ước chỉ có một bên cam kết và có nhiệm vụ, một bên kia chỉ có quyền lợi là chủ nợ mà thôi. Thí dụ : văn tự vay nợ. Một bên đi vay có cái nhiệm vụ phải trả nợ và cam kết phải trả, còn một bên chỉ có cái địa vị là chủ nợ không phải cam kết gì.

b) — Ta đã biết những văn tự nào về loại thương-mại được hưởng thể lệ riêng về luật trước bạ, vậy cái lệ riêng ấy có gì là lợi ?

Điều lợi nhất, là đem văn tự ấy đi trước bạ chỉ phải trả một số thuế lệ là 1$80 thôi.

Nhưng giả thuế lệ là tạm thời; khi thi-hành văn tự ấy mà phải kiện có án hoặc có một bức công thư làm theo văn tự ấy, thì lại phải trả thuế theo như lệ thường, nhưng số thuế ấy ấy tính theo trong lòng bản án hay bức công thư chứ không theo như trong lòng bức văn tự, thành thử có khi chỉ phải trả một phần thuế mà thôi.

Thí dụ : một bức văn tự hai bên giao-ước với nhau, bên bán bên mua, mỗi tháng 2000 tấn gạo. Văn tự thi hành đã một hai năm, số gạo mua bán với nhau đã tới vài vạn tấn. Sẩy một chuyến gạo bị ướt, bên mua không chịu nhận, bên bán không chịu thu về. Đem kiện nhau : tòa xử bên mua phải nhận lấy gạo nhưng được bớt giá tiền mua đi. Tiền thuế trước bạ không thể tính theo giá tiền gạo mua bán từ xưa đến nay, như thế sẽ nặng quá, chỉ có thể tính theo số gạo ướt sau này, như tòa án phân xử mà thôi. Cái phần văn tự đã thi hành rồi mà không có khó khăn gì với nhau, vẫn không phải chịu thuế, cho đến sau này còn buôn bán với nhau, số gạo bán ấy cũng không phải chịu thuế trước bạ.

Nhưng có một điều : thuế trước bạ thay đổi luôn. Lúc tính thuế nên theo giá nào ?

Có hai trường hợp khác nhau .

Nếu bức văn tự đã đem trước bạ và chịu thuế lệ 1$80 rồi, thì phải lấy cái ngày đem trước bạ ấy để định giá thuế. Thì dụ như trong việc bán gạo ở trên, bức văn tự mua bán hai bên đã đem trước bạ trước ngày 1er Janvier 1942 là ngày thi hành những giá thuế mới, mà sau ngày 1er Janvier 1942 tòa án mới xử việc hai bên kiện nhau, tiền thuế trước bạ về việc bán mấy tấn gạo ướt phải tính theo giá thuế cũ chứ không tính theo giá 2, 50.*l*· bây giờ.

Trái lại nếu bức văn tự chưa đem trước bạ theo giá thuế lệ, mà nay tòa án mới sử việc bán gạo ấy, tiền thuế sẽ phải tính theo giá thuế thi hành ngày có bản án.

. . .

Tóm tắt thể lệ trước bạ các văn tự của người Nam như vậy. Trong mấy bài đăng ở tạp chí này, ta đã xét qua những nguyên tắc sự thu thuế ấy. Khi thi hành những nguyên tắc, không khỏi không có điều phiền phức khó khăn. Nhưng mong rằng những điều ta đã bàn và giải thích ở trên giúp ích được cho những ai phải tính thuế hoặc giả thuế trước bạ, có thể giải quyết lấy được những sự khó khăn ấy.

VỊ-HÀ

(1) Trong pho Dân luật Bắc kỳ, (điều thứ 646) diễn nghĩa chữ *contrat synallagma ique* là « hiệp-ước về nhiều phương diện ».

Cũng chữ ấy, trong Pháp việt từ điển của ông Đào duy Anh, dịch là « song vụ khế ước ».

Thiết tưởng dịch theo như pho Dân-luật không được đúng lắm, mà dịch theo ông Đào duy Anh thì ý tuy đúng nhưng nghe hơi khó hiểu. Cho nên tạm dịch chữ ấy là « khế ước tương kết » mà chữ *contrat unilatéral* là « khế-ước độc kết » hay là « đơn kết » có lẽ thuận hơn, vả lại so với ý nghĩa trong luật pháp lại càng hợp lắm.

TUẦN BÁO ĐÀN BÀ

Là bạn thiết của tất cả các bạn gái.

Là món quà quý để các bậc cha mẹ cho con, các ông chồng tặng bà vợ, các anh trai tặng các em gái.

Tờ báo phụ nữ độc nhất ở Đông Dương hiện thời, toàn do các bạn gái chủ trương.

Giá báo 1 năm: 6p.00, 6 th. 3p.00, 3 th. 1p.60.

Mandat mua báo gửi cho :

Mme THỤY AN, Journal Đàn Bà

76, Wiélé — Hanoi

Nền tiểu học

(Tiếp theo)

Việc đào luyện các giáo viên

Một tinh thần hoàn toàn mới chi - phối những cải cách để sây dựng một nền tiểu - học khác hẳn xưa. Người ta thấy ngay một vấn - đề tối quan - trọng là việc đào luyện các giáo viên. Họ phải thấu triệt tinh thần mới để thực hành một cách chân thực và hăng hái ý định của chính phủ, họ là những thợ sây móng của cuộc cách mệnh quốc gia.

Việc đào luyện giáo viên từ nay theo những nguyên tắc sau này :

1·) Các trường sư phạm (école normale) rèn cập học-trò theo một chương trình riêng, bị bãi. « Theo kinh nghiệm, người ta thấy rằng, những trường đó, tuy đã đào - tạo những giáo viên giỏi về khoa sư phạm, nhưng đã gây một điều hại lớn là giam cầm những người sẽ giữ trách nhiệm rèn luyện con trẻ, trong một chương trình chuyên môn quá và làm họ sống một đời tinh thần cách biệt hẳn, nó đã thường gây một chi hướng chính trị không hay cho quốc gia. Không nên để người ta nói đến cái tinh thần sơ đẳng một cách khinh bỉ ».

Từ nay những giáo viên tương lai sẽ được hưởng một học vấn như các giáo sư tương lai ngạch trung-học và đại-học. Họ sẽ theo học các lớp ở trường Trung-học tới kỳ thi Tú tài. Như vậy về sau họ không thấy bị coi kém (về phương diện tinh thần) đối với các nhân viên khác trong học giới, bởi vì họ cũng cùng được đào luyện theo nền học nhân-bản. Đó không những là một sự công bình mà còn là một điều lợi cho nước, vì nam giáo viên và nữ giáo viên từ nay sẽ phải làm tròn một chức vụ xã hội trong tinh thần mới và lý tưởng quốc gia.

Sau kỳ thi Tú-tài, họ sẽ theo những lớp riêng để học tập về khoa sư phạm trong mười tháng.

2·) Trong chương trình ở những lớp đó một phần lớn sẽ dành cho các môn thể - dục và thủ - công. Người ta muốn các giáo - viên được rèn theo một cái học thực dụng, vì tinh thần mới của nền tiểu-học.

Trong khi đợi sự tổ chức những lớp sư - phạm mới (1), những học trò đang học ở các trường sư phạm (école normale) phải tập việc, ngoài 4 tháng ở một trường tiểu học, 2 tháng ở một viện thể dục địa phương 2 tháng ở một trường công nghệ hay một trường canh-nông thực hành hay một trường dạy khoa nội trợ (cho các nữ giáo viên). Ta hiểu ngay rằng việc này đi đôi với việc chia các trường tiểu học thành 3 loại đã nói ở trên (trường con giai ở tỉnh, trường con giai ở nhà quê, trường con gái).

(1) Sự cải cách này thi hành theo 1 đạo luật về September 1940. Tác giả bài này không được tin gì thêm về việc đó.

CUỘC C GIÁO DỤ

Sau hết các giáo viên từ nay phải theo một kỷ luật nghiêm khắc và đặt dưới quyền kiểm - sát chặt chẽ của các ông quận trưởng và thanh - tra học vụ, những nhân-viên của chính - phủ trung - ương.

Bậc cao đẳng tiểu-học và nền học chuyên-nghiệp

Một đạo luật September 1941 đã bãi những trường Cao Đẳng tiểu học.

« Nền học này là một sự khó hiểu, hai tiếng Cao-Đẳng và tiểu học tương phản nhau (lời ô. Carcopino, tổng trưởng bộ giáo dục), từ nay thiếu-niên phải chọn trong hai đường, hoặc học cao thêm để thâu thái một học vấn sâu sắc, hoặc quay hẳn sang nền học chuyên môn ».

Bậc Cao - đẳng tiểu học là một bậc học lơ lửng, chộn lẫn hai chương trình thực dụng và phổ thông học thức, kết quả về mặt nào cũng không được đến nơi đến chốn. Về mặt phổ thông, nó kèm hẳn nền trung học và không có mục đích cao xa là rèn luyện học trò lên bậc đại học. Về mặt thực - dụng thì chương trình chuyên - nghiệp rất thiếu thốn thành học trò sau khi 4 năm theo bậc Cao-đẳng tiểu học (một năm dự bị và 3 năm chính-thức) khi ra không có một nghề trong tay để mưu sinh. Người ta có đặt ra bên cạnh ban phổ-thông (Section générale) một ban công nghiệp (section professiom elle dạy thêm vài món thủ công một ban thương mại (Section commerciale) dạy thêm kế toán, đánh máy chữ nhưng sự tổ chức chuyên khoa đó thật sơ-sài lắm!

Thành ra bậc Cao-đẳng tiểu học chính lập ra cho phái bình-dân, không đủ tài lực theo nền trung - học và đi tới các ngành đại - học, nhưng muốn thâu thái một học vấn để ứng dụng trong đời thực tế, đã đi lạc hẳn mục đích dã định và bị đưa quặt sang nẻo « phổ thông học thức » (nhất là sau cuộc cải cách Jean Zay lập chế độ giáo dục duy nhất) một nẻo cụt vì ở đây phổ-thông học thức không đưa sang con đường học vấn nào khác cả.

Vì những nhẽ đó người ta đã bãi bậc Cao-Đẳng tiểu-học. (Bắt đầu từ năm 1945 không có kỳ thi Brevet élémentaire nữa).

ẢI CÁCH CỞ PHÁP

VŨ ĐÌNH HÒE

Từ nay, thiếu niên học xong bực tiểu học, sẽ chọn trong hai đường :

1·) hoặc muốn trau dồi thêm học vấn để đi tới các ngành đại học thì theo nền trung học.

2·) hoặc muốn tìm một kế mưu sinh thì theo nền học chuyên nghiệp.

Vậy nền học chuyên nghiệp từ nay là một nền học quan trọng vì nó thay hẳn bực Cao-đẳng tiểu-học. Nó được tổ - chức như thế nào ? Phương-pháp và chương trình ra làm sao ? Chúng tôi tiếc không đủ tài liệu để nói rõ ràng về việc này.

■

Trở lại việc cải cách nền trung-học

a) Sự tổ - chức

Thi hành sắc lệnh ngày 15 Aout 1941, người ta chia nền trung học thành 2 ban : ban cổ điển (enseignement classique có tử-ngữ : la - tinh và hi - lạp và một sinh ngữ) và ban cận - đại (enseignement moderne chỉ có sinh-ngữ).

Ban cổ điển dạy ở các trường trung-học Lycées và ban cận đại ở các trường trung-học Collèges và các trường cao đẳng tiểu học cũ, (từ nay cũng sẽ gọi là Collèges).

Học trò có bằng tiểu-học dự bị (diplôme d' études primaires préparatoires) mới được nhận vào học ở ban cổ điển cũng như ở ban cận đại.

Học trò ở ban cổ điển sau khi học từ lớp 6 đến lớp 3 sẽ thi lấy bằng cổ-điển-học (diplôme d' études classiques, và học-trò ở ban cận đại sẽ thi lấy bằng cận-đại-học (diplôme d' études modernes).

Có một trong 2 văn bằng ấy mới được vào học lớp nhì ban trung - học. Và từ lớp nhì, học - trò ban cận-đại sang học ở các trường trung-học Lycées.

Việc cải cách này trái lại hẳn với việc cải cách theo sắc lệnh ngày 21 Septembre 1940 đã nói trong bài trước.

Theo sắc lệnh này « ban cận-đại (Série B, không có tử ngữ chỉ có sinh ngữ) bị bỏ hẳn ở nền trung học từ lớp 6 đến lớp 3, Ít ra trong 4 năm từ lớp 6 đến lớp 3, học trò ở các trường trung - học phải học tiếng la tinh. » Chỉ từ lớp nhì mới có ban cận đại. Học trò học hết lớp 3 tùy ý chọn sẽ học ở ban cổ điển hay ban cận đại. Sắc lệnh lại nói thêm là giáo dục cận đại sẽ dạy ở các trường Cao-đẳng tiểu học và học trò học hết bậc Cao-đẳng tiểu học có thể sang học ở bực thứ hai nền trung học và tất nhiên theo ban cận đại. Sắc lệnh lại định rõ các lớp 6-B, 5-B. 4-B, 3-B sẽ dần dần bỏ ở các trường trung học. Vậy rõ ràng lắm, sắc lệnh 21 Septembre 1940 đã quyết định dùng khoa học cổ điển làm cái học căn bản trong nền trung-học.

Trái lại, sắc lệnh 15 Aout 1941 đã đặt lại khoa giáo dục cận đại (không có tử - ngữ, chỉ có sinh - ngữ. Tức là Série B ngày xưa) ở nền trung-học.

Về hình-thức sự tổ chức có khác xưa vì ban cận đại từ lớp 6 đến lớp 3 dạy riêng ở Collèges còn ở Lycées từ lớp 6 đến lớp 3 chỉ có ban cổ-điển. Song đó chỉ là sự khác về hình thức vì xưa nay thì Collèges hay Lycées cũng là trường trung - học một đẳng của hàng xã (Collèges) và một đẳng của Chính phủ (Lycées). Có điều nên nhận là các trường Cao-đẳng tiểu học cũ nay cũng đổi làm Collèges nghĩa là bậc Cao-đẳng tiểu - học không còn nữa.

Vậy về tinh thần, nền trung học, theo sắc - lệnh ngày 15 Aout 1941 vẫn giữ như xưa. Chỉ có những điều khác nhỏ về hình thức :

— 2 ban cổ điển và cận đại day ở hai nơi khác nhau ở bực dưới (từ lớp 6 đến lớp 3).

— Tên gọi có khác xưa. Ban cổ-điển thay vào ban A và A' ngày xưa, và ban cận đại thay vào ban B ngày xưa. Không biết ban A và A' ngày xưa từ nay sẽ có tên riêng là gì, vì sắc lệnh mới định chương - trình 2 lớp 6 và 5 mà từ lớp 4 mới chia ra ban A (có cả la tinh và hi lạp) và A' (chỉ có la tinh).

— Sự chọn lọc học trò khắt khe hơn xưa, vì phải có bằng tiểu học dự bị mới được vào học lớp 6 ở các trường trung học, và phải có một trong 2 bằng cổ-điển-học và cận-đại-học mới được lên lớp nhì.

b) Chương trình học

So sánh chương trình (1) học xưa và nay ở hai lớp 6 và 5 ta nhận thấy một ít điều thay đổi. Tuy nhiên tinh thần cũ vẫn giữ : nền trung học vẫn là một nền học nhân - bản (cổ điển và cận đại) và một nền « phổ thông học thức » (culture générale).

1·) Giờ pháp văn ở ban cận đại tăng thêm 2 giờ (xưa ở ban B : 4 giờ, nay : 6 giờ) — Giờ sinh ngữ ở ban cổ điển tăng thêm 1 giờ (xưa : 2 giờ, nay : 3

(Xem tiếp trang 22)

(1) Chương trình mới của các lớp 6 và 5 đăng trong Công báo Đông-Dương số 65 ngày 15-8-1942.

giờ), giờ la tinh bớt đi 1 giờ (xưa : 10 giờ, nay . 9 giờ) xem thế thì khoa nhân bản cận-đại được chú ý hơn xưa. Đó là một điều khác với tinh thần việc cải cách theo sắc lệnh 21 Septembre 1940.

2·) Giờ lịch sử và toán pháp có bớt đi và chương trình về hai khoa đó cũng nhẹ đi được đến một nửa (những bài về kỷ hà học bỏ đi cả...). Trái lại khoa tự nhiên học (sciences naturelles) thêm giờ và nhiều bài hơn (xưa : 1 giờ, nay : 2 giờ). Nghĩa là những khoa thuộc về lý thuyết và học thuật rút bớt phần quan trọng để nhường thêm chỗ cho khoa dạy về đời thực tế (động vật học, thực vật học và địa chất học) và khoa nhân bản. .

3·) Vài môn học thêm vào chương trình.

— Khoa luân lý (1 giờ) mà trước kia chỉ có trong chương-trình ban Cao đẳng tiểu học. Nói cho thật đúng, khoa luân - lý gọi là khoa Hoạt - động về luân-lý (action morale) lối dạy sẽ chuyên chú về sự thực hành.

— Khoa học đạo, không bắt buộc (1 giờ rưỡi).

Đức dục đã được một địa vị trong chương-trình giáo khoa ở nền trung học, mà xưa kia đã chủ về trí dục một cách vô độ.

4·) Cũng vì muốn giảm cái tính cách chuyên về lý trí của nền trung - học mà thể - dục nay cũng được chăm chú hơn. Giờ tập tăng thêm (xưa : 2 giờ, nay : 3 giờ) và có môn thi thể - dục trong kỳ thi tú tài, không bắt buộc, nhưng được thêm điểm vào các bài thi khác.

Khoa thể - dục nay là một phần trong « khoa giáo-dục toàn thể và thể thao » (éducation générale et sportive) chiếm 5 giờ một tuần - lễ cho con giai và 4 giờ cho con gái (một tuần lễ có 26 giờ 1/2, kể cả giờ học đạo) và gồm những môn :

— Thể-dục ; 3 giờ.

— Hát chung (chant choral) : 1 giờ.

— Thủ công ở ngoài giời, vệ sinh thực hành và cứu cấp secourisme) 1 giờ, riêng cho con giai.

Khoa giáo dục toàn thể áp dụng ở khắp các lớp bực trung học, cả lớp triết học và toán học (1).

5·) Có những khoa mà học trò được tự - ý lựa - chọn tùy theo sở thích và chí hướng của mình Như ở lớp triết học, có những giờ này không bắt buộc : la tinh, hi lạp, sinh ngữ thứ 2, vẽ thủ công âm nhạc, học đạo.

Giờ lên, những điều cải cách ta mới xét kỹ ở hương trình 2 lớp 6 và 5 ; vậy tất nhiên ta chưa có thể có một đại quan thực rõ ràng về chương trình đổi mới ở nền trung-học. Chương-trình các lớp 4, 3, 2, 1 sẽ dần dần mỗi năm thay đổi. Hiện nay các lớp đó áp dụng một chương trình tạm thời có thay đổi qua loa (1) cho đến những năm sẽ có chương trình mới.

■

Để kết luận, ta nhận thấy ở nền trung học.

1·) Không có một sự thay đổi lớn như ở nền tiểu học.

2·) Nền trung học vẫn giữ cái tinh thần cố hữu của một nền « phổ-thông học-thức ».

3·) Có những điều cải cách nhỏ để làm giảm cái tính cách chuyên về lý-trí và lý thuyết của nó.

4·) Hai ban cổ - điển và cận - đại vẫn được đãi ngang hàng, để được hài lòng cả hai phái cổ điển và cận đại là hai phái xưa nay vẫn thường xung - đột nhau.

(1) Chương trình đăng trong Công báo Đ. D số 70 ra ngày 1-9-1942.

VŨ ĐÌNH HÒE

Vì thiếu chỗ bài. « **Việc lập một nền học cổ điển Á đông** » (Chương trình tự lớp 6 đến lớp 1 đã đăng ở công báo Đ.D. số 71 ra ngày 5 9-1942). Xin hoãn đến kỳ sau.

Ô-tô, nhà lầu... cái mộng đó sẽ thành sự thực nếu các ngài bỏ 1$00 mua VÉ SỐ SỐ ĐÔNG-DƯƠNG

ĐÃ CÓ BÁN :

THƠ HÀN MẶC TỬ

trong «TỦ SÁCH TRÍ THỨC »

— Những bài thơ hay nhất của nhà thi sĩ thiên tài mà cái chết đã làm sôi nổi dư luận thi giới và văn giới Việt-Nam.

— Đã có 5 cuộc diễn thuyết, 5 tờ báo Pháp văn, 17 tờ báo Quốc ngữ và 2 cuốn sách phê bình về thi văn và thân thế thi sĩ.

HỌA SĨ PHẠM TÚ MINH HỌA

Ấn loát rất mỹ thuật — Phụ bản in litho, 3 màu.

ĐÔNG PHƯƠNG XUẤT BẢN

227, Paul Blanchy. Saigon

Nhát dao

TRUYỆN DỊCH

LÊ HUY VÂN

(tiếp theo)

— Việc vẽ của anh mà chúng mình đã phải hi sinh bao nhiêu thứ ! Vì vẽ, vì anh muốn đi chơi xa mà sự học của các con phải đình lại luôn luôn chúng nó học có đến mười trường rồi.

— Anh không thích nghề của anh nữa. Không, mợ đừng đổ tội cho Trinh. Mỗi lần tôi yêu thì tình yêu của tôi như làm phai nhạt cả thế giới bên ngoài. Đối với nhiều người khác thì yêu là một thứ men ; vũ trụ của họ vì đấy mà xinh đẹp thêm ; tình yêu của tôi, trái lại, phải bầy hết thảy để lợi cho mình ; hay nói cho đúng ra, nó làm cho tôi sáng xuốt một cách ghê gớm ; cứ dùng ánh sáng của nó mà soi thì không còn một thứ đồ chơi nào có thể giúp tôi sống được nữa một người mà xâm chiếm cả đời tôi tất chọc vỡ hết các quả bóng mà ngày xưa tôi lấy làm vui thích. Bức vẽ sái à ? Để làm gì ? Rồi cũng đến ngày như tôi, như Trinh, nó nằm trong bốn tấm ván. . . . .

Mai bịt lấy miệng chồng, nhưng chàng cố nói :

— Mấy lần yêu trước, tôi vẫn cưỡng được ; tạo-hóa vẫn thắng ái tình ; lần này thì tôi thấy hồng mất vì hình, sắc đối với tôi hết ý-nghĩa rồi. Tôi chỉ còn để mắt đến người, đến một người. Cái thân hình bé nhỏ của Trinh đủ che lấp cả vũ trụ bên ngoài. Phải rời chỗ nàng thường sống để đi ra chỗ khác, tưởng chết đi được ! Vẽ truyền thần Trinh tôi cũng không mong vẽ nữa, vì tôi yêu nàng là yêu những cái vượt hẳn hình hài bên ngoài. . . Nhưng rồi đâu cũng vào đấy, mợ đừng khóc nữa rồi cũng phải xong. Nói cho cùng, dễ mợ tưởng rằng tôi chịu đau đớn khổ sở mãi như thế này mà không chết ư ? Rồi mợ xem, ít lâu nữa là tôi lại ngồi vẽ bên cạnh mợ, vui vẻ như thường.

— Phải, phải, có bao giờ em che lấp không cho anh trông thấy thế giới bên ngoài đâu.

— Mợ còn giúp tôi hiểu thêm cái thế-giới đó nữa.

— Ngày xưa anh không để ý đến em đến nỗi có em cũng như không. Dù anh ở bên cạnh em mà lúc nào anh cũng thấy mình cô đơn.

— Phải cô tịch thế tôi mới sáng tác được chứ.

— Trong đời anh, có lúc nào em làm anh phải bồi hồi không ? Không có lúc nào à ?

— Không có lúc nào, mợ ạ, nhờ mợ tôi mới được yên - tĩnh, chính mợ mang cái yên - tĩnh lại cho tôi.

— Em chắc chắn chưa bao giờ vì em mà anh phải ghen một thì nào ?

— Ồ, mợ nói, làm thế khác nào thóa mạ mợ.

Nàng bật cười, giọng cười ghê gớm, nhưng Tường không hiểu. Chàng cho rằng đối với Mai chẳng cần phải cố gắng để hiểu nữa. Đã hai mươi năm sống lặn lội trong cái đời họa sĩ chỉ lấy bản-năng làm đích, Tường đối với vợ cũng như cha chàng, ông chàng đối với vợ con ngày xưa. Trong họ nhà chàng, đàn-bà đi lấy chồng như người đi tu. Thuộc quyền gia đình, thuộc quyền con cái, chưa có ai dám nghĩ đến chuyện dầy vò trách móc chồng con. Lúc Tường còn trẻ chàng đã từng thấy ông chàng đến ở hẳn ở Bordeaux, ăn tiêu chơi bời để tiện việc buôn bán, chỉ có thứ bảy mới giở về gian nhà bé nhỏ ở Landes là chỗ bà cụ sống một mình với một bà cô dở người, chàng đã được trông thấy bà cô ngày đêm quanh bên chiếc ghế bành săn sóc ông chồng bán thân bất - toại, như không biết rằng vì chơi - bời nên ông chồng mới đến thế và vì hà tiện nên ông ta mới không thuê khán bộ hay người trông nom trông. Nói cho đúng, Mai thuộc vào cái giống đàn bà ngày nay hầu mất tích, hi sinh mà không biết rằng mình hi - sinh ; đối với giống đàn bà đó thì chồng là một ông thần chỉ phục tòng có Thượng Đế mà thôi, Tường lấy nàng năm nàng mười tám ở vùng nhà quê miền tây nam, rồi từ đó chàng nhận lấy sự thờ kính êm đềm của vợ, chẳng ngạc nhiên chút nào coi như một bổn phận phải có. Nhưng chàng không hiểu rằng nếu mẹ chàng, các cụ bà ngày xưa mà chịu nhẫn nhục phục tòng là vì các cụ sống âm thầm một chỗ không bị cái chi làm sao lãng bổn phận. Cả thuở đó, bình phẩm một người đàn bà mà nói đến câu này : « Chẳng bao giờ bà ta ở nhà cả . . . » là đã nặng nề lắm rồi.

Mai thì đã lâu nay, nàng hút thở không khí Ba Lê, tai nghe những lời nói sỗ sàng tự do, quen với những chuyện phân rẽ, ly dị của một hạng người cho hôn nhân là một tục kỳ dị còn sót lại từ đời người ta còn tín ngưỡng họ đều mắc cái bệnh làm phân tán gia đình cũng như có năm, trong vài miền, người ta thấy các cây ormes rụng hết cả lá Tuy ở Ba Lê, Mai cũng giống các bà vợ thuở trước nhưng đáng lẽ, theo gương người trước, nàng thờ kính Tường như một ông chồng, một gia trưởng thì nàng lại hết long phụng sự một người, không phải vì người đó là chồng mà là vì người đó hơn hết mọi người, vì người đó là một thiên tài. Không

phải là một sự thờ kính mù quáng nữa mà là một sự chọn lọc. Không phải nàng theo người ta mà thờ chính tự nàng tôn lên để thờ.

Đến đêm nay, lần thứ nhất, từ trong thâm tâm của nàng, nàng thấy phải yêu cầu một điều : làm sao cho Tường biết rằng nàng cũng làm bằng da bằng thịt như những người đàn bà khác mà chàng yêu, chẳng chàng không thể lấy nề nàng kính phục chàng mà quên lãng nàng đi, rằng chàng không thể để riêng nàng ra không cho dự vào những chuyện tình duyên rắc rối.

— Anh Tường ạ, không ghen thì tốt lắm rồi ! Nhưng anh có chắc rằng từ xưa chưa ai chực quyến dũ lòng em không.

— Thôi Mai ơi về điều đó thì tôi rất yên lòng. Nàng bực tức vì thấy chàng không chịu nghe nàng nói, chàng không nhìn nàng, nếu chàng quanh đầu về phía mặt nàng lúc này ; ánh sáng bạn mai đủ chiếu rõ vẻ mặt đau đớn, bực tức của vợ chàng. Nhưng chàng vẫn nằm dài, hai mắt nhắm chặt.

— Ann bình tĩnh mãi như thế là anh nhầm lắm. Nghe câu đó, Tường hé mắt, mới nhìn thấy Mai. Một cái nhìn đó tuy chóng mà cả hai đều thấy rõ họ đã rạch ra bao vết thương lòng, suốt cả đêm qua. Đến lượt chàng ôm lấy nàng, gắng sức trút bỏ sự đau đớn riêng của mình để hiểu rõ cái đau đớn của vợ. Nhưng đối với chàng cái đau đớn của Mai mới tầm thường làm sao ! Chàng không thể tin rằng Mai lại có thể đau đớn vì những vết thương tự ái.

— Anh Tường ạ, nói rằng chẳng vì em mà ghen tức cũng chưa đủ, anh còn không nhận ra rằng có nhiều kẻ vẫn cố sức theo đuổi em. Em thách anh có thể nói tên một người trong những người từng yêu em.

Lần này thì Mai làm Tường để ý : thơ - ngây, chàng ngạc nhiên :

— Yêu mợ ? Ai có thể yêu mợ được ?

Tay ôm lấy mặt, Mai như cười. Chàng tiếp :

— Mợ cứ nói một người ra, tôi sẽ bảo xem tôi có hề ghen người đó không.

Nàng quay mặt đi và nói rất nhanh : Trần Tất Nàng đã làm cho Tường thoát khỏi sự ngờ vực trong một lúc : Trần Tất à ? Thằng ngốc ấy ư ? Chàng phì cười không thể tin được.

— Độ ấy tôi cũng nghĩ : Chà cái anh chàng quen thói ăn chơi sao lại tự dưng yêu nghề vẽ có lạ không ! Mà hắn mới khăng khăng làm sao ! Trong bọn học trò của tôi chỉ có hắn là tôi muốn làm cho nản lòng nhất mà không được. Thế thì ra vì mợ à ? Thì ra hắn muốn được đi lại nhà này ! Mợ ơi ! Nếu mợ muốn làm cho tôi lo ắng thì mợ tìm một người khác. Tất à ! Chúng ta chẳng từng chế riễu cái thằng ngu đó du.

Câu nói đủ chứng rằng nhà nghệ sĩ tự tin mình quả sung - sướng thấy mình không giống người thường yên ổn, vô lo vì hơn mọi người, khinh tất cả những kẻ không biết sáng tá là gì Và quả thật Mai thường vẫn nhạo cái cái anh chàng « Trần - Tất ngu si » đó. Nhưng nếu nàng nhắc đến tên hắn chẳng phải là vô cớ... làm thế nào cho chồng hiểu vì chàng thờ ơ mà suýt một hôm nàng thất - thân với hắn ?

Năm hai vợ chồng ra nghỉ dưỡng sức ở Caute-rets, chàng thấy Trần-Tất nói đến chuyện dùng ô-tô để đi là ưng ngay : nghệ sĩ thường vẫn như thế, vì hơi lười - lĩnh một chút nên muốn hưởng sự xa xỉ của các người quý phục mình. Trước hôm đi một ngày, vì có một người đàn bà Mỹ khăng khăng muốn chàng phải vẽ cho xong ngay bức truyền-thần của bà ta nên Tường phải ở lại Ba-Lê (hay đó là một cớ để chàng ở lại). Các con thì đã đi tầu với cô giáo của chúng cùng lũ đầy tớ. Trần Tất khẩn-khoản nài Mai đừng bỏ lỡ cuộc du-lịch bằng ô-tô, nhưng giá cứ hắn nói không thì Mai chẳng bằng lòng nào đằng này cả Tường cũng phụ họa vào chế nhạo nàng giữ kẽ quá đáng. Lòng tin cẩn quá đáng ấy làm cho Mai bực mình : Chàng cho rằng nàng không làm cho đàn ông say - mê được. Chàng không từng tưởng - tượng rằng có người yêu nàng được !

Lúc này, Tường còn quay mặt vào vách, Mai cố nhớ lại cuộc hành trình lạ lùng đó, tách ra từng đoạn nhất là những đoạn có thể làm cho chàng phải ghen tức dù chỉ một chút ghen.

I

Nàng nhớ rồi : giời nắng đến nỗi nhựa đường chảy ra, bắn cả lên hai bàn tay nhỏ nhắn của Tất nắm chặt bánh lái. Bị ô-tô làm sát da, giải quan - lộ máu đen chảy dòng dòng. Miền Beauce y như một đại-dương phải đi qua không tránh được, y như một bãi sa mạc vàng đứng lại thì chết. Tất đầu trần, cởi bỏ áo ngoài, tháo cổ « cồn », sắn tay áo, phanh sơ - mi, lúc này chàng như chút hết những cái giả rối, những cái bầy đặt. Mai mơ - màng nhìn trên đồng hồ chiếc kim đưa đi đưa lại từ chín mươi đến một trăm.

Trong người chàng thanh niên say sưa đó lúc này chẳng có gì là phù hoa nữa. Nàng cảm thấy cái vui khỏe mạnh, sự ham muốn bồng bột như nàng cảm thấy sức mạnh của ngọn gió đương đốt cháy mặt nàng ; khi một trong hai bàn tay bé nhỏ rời bánh lái, nắm lấy tay nàng thì nàng không chống cự. Tất bảo rằng cầm lái một tay mà đi nhanh thế này là điên dồ : «chỉ nổ một bánh là đủcho Mai với tôi cùng chết»

Nàng nhận lấy nhời thú nhận của tấm lòng ngây ngất mà hấy lòng mình cũng siêu siêu. Bây giờ nàng mới cảm thấy rằng đối với một người khác nàng là hiện thân của tất cả những khoái lạc của thế-giới đó, hiện thân của tất cả những khoái-lạc của một thế-giới ; bây giờ mới có người nhận ra rằng

nàng có một giá-trị vô ngần. Sống mãi trong bãi xa mạc thờ ơ cũng chán lắm rồi ! Ngủ mãi trong cánh tay của thói quen cũng ngấy lắm rồi ! một chiếc bình bịch ở một con đường nhỏ nhô ra; ô tô chồm lên; Trần Tất dùng cả hai tay bắt tay lái, hãm xe. Hắn lầm bầm: «Hú vìa ...» nàng giả nhời: «Tôi có sợ đâu; tôi vẫn tin vào tài anh » Lúc đó hắn nhìn thẳng vào mặt nàng, môi trên hơi run run: hắn muốn kéo nàng lại cạnh mình; nàng vùng-vẫy gỡ ra... Trước khi thay một cái bánh xe, Tất g ải một cái chăn trên bờ cỏ, để Mai ngồi vô cùng thận trọng, lôi ở trong hòm xe lấy hoa qủa ra; Mai kinh ngạc thấy mình được săn sóc như nàng thường săn sóc Tường mà chính nàng thì từ trước chẳng được ai săn sóc như thế; nàng thầm khen cái cách Tất dùng những đồ chữa xe vừa khéo vừa nhanh, ở nhà thì Tường giá có chữa cái cầu-chì cũng không xong. Chàng có trèo lên được một cái thang bao giờ mà có trèo lên cũng chỉ là để treo một bức tranh. Chàng chỉ là một gã nhà quê, giòng giõi nhà quê, quen giao cho đàn bà những việc tầm thường đê hạ. Giời vẫn nóng, ô tô lại mở máy chàng thanh-niên vẫn cầm bánh lái có một tay còn một tay vuốt ve một cánh tay yên lặng, một cái vai trần. Hắn nói: «Tôi sung sướng quá» Gió làm tóc hắn rối bù, làm sơ mi hắn phồng lên. Hắn chẳng phải là con người sống ở các câu lạc bộ, con người ưa chơi tranh ảnh Tường hằng chế diễu: trong bóng hoàng-hôn hắn là một người mạnh mẽ đã quyến dũ được để mang đi trong đêm tối một người mà hắn vẫn thèm mong.

Hắn nói «Đêm nay ở Blois thì oi lắm; thà ngủ ở chỗ khách sạn này giáp lâu đài Chanbor-đ». Rồi ô tô theo một lối đi vắng vẻ trong bóng hoàng hôn. Mai quay mặt đi để khỏi phải nhìn thấy trên nét mặt trẻ măng gần ngay mặt nàng một vẻ đợi chờ, lúc này nàng mới nhớ đến những sự hờn giận của nàng đối với Tường vì chẳng bao giờ Tường chịu cho Mai cùng hưởng cái lo ngại thú vị, cái sung sướng gần như tột bực của một đôi nhân tình lúc đoán thấy gần ngay cạnh mình một gian phòng lạ (chàng bảo rằng không thể đi du lịch với đàn bà được). Mai nhớ lại dan buồng nàng tắm rửa, thay sống áo; sau vách mỏng nàng nghe rõ tiếng hắn thở phì phì. Đứng trước cửa sổ nàng trông thấy một ngôi sao to mọc trên bầu giời vắng vẻ trên giặng cây. Nàng nghĩ thầm: «Vì anh, anh Tường ơi, mà em sa ngã». Lúc đó nàng tin chắc rằng sẽ phạm tội với chồng, đứng cạnh vực thẳm, nàng nhắm mắt lại. Thế nhưng lúc xuống dưới vườn gặp Trần Tất đương đợi, Mai thấy rằng mình thoát nạn rồi. Cái bực thiên-thần trong ngọn lửa ban chiều khéo quyến dũ nàng bây giờ chẳng còn nữa: Trần Tất mặc bộ lễ phục ve áo gài chiếc hoa răng cưa, tóc trải bóng, thơm phức, trên môi mỉm một nụ cười trai gái. Thoát nạn ! bây giờ chỉ còn việc khóa chặt cửa buồng lại là xong.

IV

— Anh thật điên, em Mai ạ, tha lỗi cho anh nhá Trong khi Mai tơ tưởng đến cuộc du-lịch trên con đường nóng rẫy, cố ý tỏ cho chồng hay rằng chỉ suýt nữa thì thất thân với kẻ khác, miệng vừa nói mà bụng vừa lo, thì Tường ngắm vợ trong bóng sáng ban mai, nhìn nét mặt mệt mỏi, già hẳn đi của nàng mà thêm thương hại.

— Anh thật là điên dang nhẽ anh không nên nói nhưng vì anh không muốn em xa cách anh, em Mai ạ : anh đau đơn thì em cũng phải đau đớn.

Chàng ôm lấy vợ, nàng thổn thức trên vai chồng.

— Em yêu cầu những điều không thể làm được, em ạ. Muốn cho hai người đàn ông, đàn bà yêu nhau như em muốn chúng ta yêu nhau thì giữa hai người phải có một vùng xa mạc ngăn chia làm chỗ chiến đấu để làm đau đớn nhau trong bóng tối. Nhưng em với anh chỉ là một : giữa hai ta không có chi ngăn cách. Chúng ta cùng một khối thành ra những điều nhầm lẫn đáng buồn nhất của anh, anh cũng lôi kéo em vào !...

Nàng sát vào người chồng, chàng du nàng như nàng đã dỗ chàng lúc nãy.

— Kẻ thù thay hình đổi dạng luôn luôn, từ ngày anh ra đời, những kẻ đã làm anh đau khổ, khóc lóc chỉ là những bóng ma chập chờn ; nhưng còn em thì em vẫn là em ở nguyên chỗ cũ.

Nhà bắt đầu tỉnh dậy ; Cúc sau cửa, trải quần áo. Trong buồng trẻ con nằm, tiếng đọc bài rì rào. Một mùi cà phê mát rợi làm bụng thêm đói. Mai nhìn vào gương sửa đổi lại nét mặt Nàng nói :

— Sự sống, sự sống hoàn toàn bao giờ cũng thắng phải không anh ?

Đành thế ! đêm đến chúng mình tự tạo ra những con quái vật, chúng ta hóa dại cả. Câu chuyện thế mà anh cố bịa cho thành to tát. Em quên những điên dồ ấy đi : chẳng có chi hết.

Yên lặng một lúc, chàng tiếp :

— Trong đời anh, Trinh không chiếm được một chỗ quan trọng như em tưởng. Như là cả hôm nay cả ngày mai anh với nàng sẽ không gặp nhau. Này em thử nhìn anh: tuy không gặp nhau mà sáng nay anh vẫn sung sướng như thường. Mai ơi, em đã yên tâm chưa ?

— Em hơi yên tâm rồi anh ạ. Em bớt đau đớn, Em chắc rằng đêm qua đôi ta cùng bịa đặt thêm : những chuyện không hay có thật cả còn việc gì mà phải thêm thắt vào. Bây giờ rồi ! Em phải đi xem thằng Ái đã dậy chưa....

Nàng khoác lên vài chiếc áo quàng, đi ra ngoài Lúc đó nụ cười trên mặt Tường mất hẳn. Mặt đó lại giữ cái vẻ ban đêm lúc còn đau đớn. Chàng lầm bầm — Cả ngày hôm nay mà không được gặp nàng. Lại còn cả ngày mai... Sống làm sao ?

Chàng cố dùng sức tưởng tượng để nhảy qua cái hàng rào hai ngày vắng vẻ đó. chàng nhìn thấy ba

tuần lễ ngắn ngủi xum họp trước khi mùa nực mang sự xa cách lại. Trinh giờ về nhà gần Biarritz nàng sẽ sống cái cuộc đời ngu ngốc lúc chơi golf lúc nghe jazz. Biết đâu nàng chẳng đi đến đó để gặp người lạ mặt, nàng sẽ sung sướng, vì không bị ai dình mò. Nàng sẽ bảo người lạ : « Chính bây giờ mới là lúc em được nghỉ, hoàn toàn nghỉ ngơi ». Đêm đến, họ khiêu vũ với nhau.

Lũ trẻ ào ào chạy vào. Bài có thuộc không ?

— Tân, con chép lại tính ? Ba không muốn con nộp bài bẩn thế.

Rồi chàng còn lại có một mình, ra ngoài ban-công, làm một con chim câu hoảng sợ, cúi nhìn xuống dưới đường, Chàng cầm hai tay rung chấn song sắt. Không, không phải loạt chấn-song dỉ này sẽ giữ cho chàng khỏi ngã khỏi tan sác — nhưng là một bức màn sống; chính là cái người đàn bà lúc nào cũng để ý đến chàng, chính lũ người lạ mặt, vô danh là lũ con chàng kia; Tường lại tự mua lấy kẻ canh mình: bây giờ từ thâm tâm chàng thấy sự điên đồ bốc lên cũng chẳng nên lo nữa; chàng cứ việc để cho thất vọng yên ả cuốn lấy chàng : không còn lo tai nạn gì cả, chỉ còn việc tiến bước lên con đường thẳng, giữa hai bức tường cao; mỗi bước chân là một sự cố gắng, một cuộc chinh phục; nhưng từ nay đến lúc chết mà phải đi lội ngược giòng liệu có quá sức một người chăng ? Không chỉ cần luyện tập một chút thôi. Đây này trước hết, chàng phải cố gắng tập võ theo lối Thụy điển, cố gắng tắm rửa, cố gắng cạo râu, Đêm qua chàng là một thằng hèn; chàng đã thú thật hết; yếu ớt linh hồn như thế sẽ chẳng hay gì. Không phải là chàng sợ vợ dầy vò, vợ âm thầm rắn vật. Chắc hẳn là Mai sẽ dịu dàng hơn cả mọi ngày. Nhưng nàng có lãnh đạm với Trinh không ? Đánh cuộc rằng nàng sẽ làm thân trước, cố làm cho Trinh phải mến để cho trong đời Trinh nàng sẽ giữ một địa vị quan trọng. « Từ đây, họ sẽ đến chơi nhau luôn nói đến mình bằng những câu bóng gió; họ sẽ đồng lòng thương hại mình: mình bước vào thì họ lại yên lặng ngay. Ta như người ốm nặng trông thấy quanh giường lũ bà con hiểm thù đồng lòng tạm đình chiến. Họ sẽ cảm động, sẽ cùng khóc, có lẽ họ yêu nhau nữa. Trời ơi ! cứ nghĩ đến những sự họ nhường nhịn nhau .. Lúc Mai bắt buộc phải để ta ở lại Ba-Lê một mình thì lúc đó Trinh tự nhiên phải trở về Bordeaux. Ta ăn cắp được của số phận được phút vui nào thì bây giờ dường như có một đấng thượng Thượng-Đế không biết thương sót là gì, báo cho hai người đàn bà đó biết trước; nào những cuộc đi chơi hoãn lại nào những đầy tớ đi vắng, nào những bệnh tật của lũ con, bấy nhiêu việc đều phản lại lòng yêu của mình. Đến tận ngày hôm nay thỉnh thoảng còn có những việc bất ngờ nới trói cho ta một ít; từ ngày hôm nay trở đi bất cứ một việc gì, chỉ càng thêm thít chặt giây trói ta. Rút cục ta chỉ còn một cách làm việc».

Chàng bước lên cầu thang trong để vào sưởng, vẽ, chân bước nặng nề. Người làm kiểu mẫu đến chậm. Chàng ngồi trước bức họa vẽ giở. Một đứa con kêu to :

— Ba ơi, có người hỏi ba ở giây nói.

Lúc chàng đi gần chỗ Mai ngồi khâu, nàng bảo trước cho chồng hay (giọng nói vẫn tự nhiên):

— Trinh đấy.

Chàng không hiểu Trinh muốn gì; chàng lắng nghe giọng nói của nàng ; phải, chính giọng nàng tiếng hơi ré, vừa nói vừa thở ; rồi chàng mới để ý đến ý nghĩa câu nói :

— Thế nào hôm nay em cũng phải gặp anh. Em biết rằng như thế là không được cẩn thận kín đáo; nhưng anh Tường thân ái của em ơi, đợi đến mai thì em không có can đảm.

Lúc chàng lại đi ngang qua buồng khách, Tường ngạc nhiên thấy Mai vẫn ngồi yên chỗ cũ với chiếc áo đương khâu : thì ra nàng không có thay đổi tí gì ; cái phút thần tiên vừa rồi không mang lại cho nàng chút chi. Lúc đi qua, chàng hôn vào chán vợ nàng mỉm cười với chồng Chàng nằm dài trên đi văng ở sưởng vẽ, nhắm mắt lại, chú ý vào hạnh phúc vừa mới gặp : « Nàng muốn gặp ta, chiều nay thì nàng lại ; nàng bảo không có can đảm đợi ngày mai. Ta đau đớn chừng nào.) bây giờ mới phu công Chà, ánh sáng buổi hôm nay mới đẹp làm sao ! Vào tuổi mình mà tâm hồn còn có thể sung sướng được thì lạ thực. Mình sung sướng quá. Nàng bảo không đợi được nữa, phải gặp ta ngay ; lúc nàng buồn, thì nàng không thể rời ta ra được. Nàng đương buồn... chắc nàng sẽ bảo ta : « Được ôm ấp lấy anh là mãn nguyện rồi. Trời ôi ! nàng lo lắng không phải là vì ta đâu ».

Tường đã đứng dậy chàng bắt đầu đi đi lại lại trong sưởng vẽ, nhắc lại từng lời nói của Trinh cho đến khi đã nặn hết chất độc đủ để làm chàng đau khổ.

HẾT

Cải chính

— Kỳ trước vì dịch giả đi vắng nên không chữa được bản in, có nhiều nhầm sót xin độc giả thứ lỗi

Trang 24 cột 1 giòng *Drouet* chứ không phải *D'onet* — Trang 25 cột 2 giòng 6 « cái tài chứa *sẵn* trong người » chứ không phải « chứa *sầu* » ; — giòng 10 « chẳng *bền* nào. Nàng viết»... chứ không phải » chẳng *bận* nào nàng viết »...

Trang 26 cột 2 giòng 21 « ngọn *đèn* » xin đọc « ngọ*n đỏn*».

NHÂN-CÁCH-HÓA MỘT PHƯƠNG-PHÁP TẠO NÊN HÌNH ẢNH

(Tiếp theo)

Trong vườn xuân của Xuân Diệu, những « búp nhài mở nửa, hớp bóng trăng đầy miệng nhỏ sinh sinh ». Các nàng hoa nõn nà ấy đang mong đợi gió phong lưu, cả lá cũng « lim dim trên mấy ngọn bằng bằng, cành lả lả chờ ai đón đẩy ». Một lát sau, chàng gió « lướt thướt kéo mình qua cỏ rối », « *nghe* tiếng thơm liều liệu đến tìm hương »

Cánh du lang tha thướt phất qua đường
Áo công tử giải là vương não nuột.
Này hoa ngọc đã giật mình trắng mướt
Thoảng tay tình gió vuốt bỗng lao đao :
Hương hiu hiu nên gió cũng ngọt ngào
Hôn nho nhỏ mà đầu hoa nặng trĩu...

Trăng là một cô ả tò mò hay ghé mắt nhòm qua cửa sổ buồng khuê, nhưng cũng là người bạn thân yêu của những kẻ lẻ loi chiếc bóng.

Gương nga trênh trếch *dòm song* N. Du)
— Vầng trăng ai sẻ làm đôi,
Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường (N. Du)
— Anh đi đường ấy xa xa
Để em *ôm bóng trăng tà* năm canh (Ca dao)

— Các thi sĩ còn hay nói chuyện với trăng, với gió, với cỏ hoa, cây lá !

Đêm thu buồn lắm, *chị hằng ơi*
Trần thế em nay chán lắm rồi (Tản Đà)

Lamartine thiết tha van thời gian hãy ngừng trôi để được hưởng mãi mãi với người yêu những ngày sung sướng, những phút say sưa, nếu đã qua đi thì không bao giờ còn trở lại. Nhưng than ôi ! mặc kẻ đa tình van lạy, giờ cứ việc đi, ngày cứ việc qua, thi sĩ bảo đêm : hãy chầm-chậm chứ, vừa nói song thì ánh bình minh đã le lói ở chân trời.

Nhời than của nhà thơ phương Tây nào có khác gì tiếng kêu đau đớn của Ngân Sinh trong bản kịch « Anh Nga » :

Đêm giăng ! hãy đứng lại trong vườn hoa
Và vừng ô khe khắt
Chớ vội vàng lắm nắng chân mây xa !
. . . . . .
. . Nhưng đêm biếc đã tàn, giăng xuân đã biến
Và rừng hồng đã tắm nắng chân mây xa !
(Huy Thông)

Dưới đây là một đoạn trong bài « Nhạc Sầu » của Huy Cận, một bài thơ có nhiều hình ảnh rất mới lạ;

Xe tang đi, xin đường chớ gập ghềnh !
Không gian ơi ! xin hẹp bớt mông mênh !
Ảo não quá trời buồi chiều vĩnh biệt !
Và ngươi nữa, tiếng gió buồn tha thiết
Xin lặng giùm cho nhẹ bớt cô đơn.
Hàng cờ đ n là bóng quạ chập chờn
Báo tin sấu dẫn hồn người đã sẻ.

C) Nhiều khi đến cả các « trừu tượng » cũng được đem ra « nhân cách hóa » nữa

Trong văn chương, không những động vật và các vật vô tri vô giác mà cả đến các trừu tượng nữa cũng được nhà văn đem ra « nhân cách hóa » :

« Bại trận » dưới ngọn bút của V. Hugo là một vị nữ-thần, hễ hiện lên là làm cho các dao quân dẫn dũng cảm đến đâu cũng phải kinh hồn hoảng vía. Trong tập thơ « Les châtiments », thi - sĩ tả - trận Waterloo, nơi mà hoàng - đế Nã - phá - luân trong một ngày đã trôn vùi cả một đời đầy chiến công rực rỡ, để rồi sẽ bước lên đường biệt xứ đến tận đảo Ste Hélène. Lúc tình thế nguy kịch đến cực điểm, hoàng-đế phải cho đạo vệ binh ra tiếp chiến, nhưng những đoàn quân anh hùng ấy cũng đều lần lượt bỏ thây nơi chiến địa. Trong khi sự chán nản đã nhóm nầy trong lòng quân sĩ, thì bỗng nhiên thần « Bại-Trận », sắc mặt tái sanh bộ dạng hoảng hốt, hiện lên giữa quân đội, cất cao giọng tuyệt - vọng và đau đớn, thét lên mấy tiếng kêu ghê gớm : « Chạy trốn đi thôi ! ». Thế là những ngươi lính dũng cảm, ngày trước đã làm cho tất cả hoàn cầu phải khiếp-đởm, lúc ấy giờ khóc lóc, kêu gào, quẳng cả mũ, ném cả áo tơi, súng đạn, lăn cả xuống hồ, chạy bừa qua đồng ruộng, chỉ cốt sao tránh được những lưỡi gươm của quân Thổ, và trận mưa đạn vù-vù bay tứ phía...

Tuổi già dưới mắt Fénelon cũng là một ông thần ghê gớm cứ đuổi theo ta hoài, khiến cho má ta rau tóc ta bạc, lưng ta còng, chân tay ta rời rã, để « làm cạn cả cái nguồn vui sướng trong lòng ta ». Tác-giả : « Les aventures de Télémaque » nói : « Cái thời ấy con tưởng nó còn xa, than ôi ! con nhầm rồi, con ạ ! *Nó sồng sộc chạy tới đây nầy*, kìa, nó đã đến nơi rồi. (Ce temps te paraît éloigné helas ! tu te trompes, mon fils ; il se hâte ; le voilà qui arrive. Thật giống như cau của ta : *Cái già sồng sộc* nó thì theo sau.

(Xem tiếp trang 30)

VIỆC QUỐC TẾ

Mặt trận nga

Một việc không ai thể ngờ tới là thành Stalingrad chống giữ được lâu thế, cho biết sức kháng chiến của Hồng-quân cũng mãnh liệt lắm.

Thành Stalingrad có 7 lần chiến lũy bao bọc. Ngày 28 - 8 quân Đức đã phá được phòng tuyến thứ nhất cách tỉnh 40 cây số; đến ngày 2-9 thì tiến sát châu thành.

Quân Nga liều chết phá vòng vây. Ở phía tây-bắc bị núng, nhưng ở phiá nam cản được quân địch. Đường phòng thủ cuối cùng này xem ra kiên cố lắm, thêm những háng rào sắt trong đó chạy một luồng điện rất mạnh và quân Nga lại vừa chôn xuống đất những chiến sa lám những pháo đài mà sức bắn rất khoẻ.

Quân Nga đã chống được tới 10 hôm nay. Các giới quân sự ở Berlin công nhận rằng cuộc công phá Stalingrad còn có thể kéo giài.

Trái lại với những lần trước như các trận đánh Sébastopol và Rostov lần này quân Đức không vây được khắp xung quanh thành Stalingrad vì thành này về mặt đông dựa vào sông Volga trên một dải dài 40 cây số, và ở phía bắc giữa khuỷu sông Dou và sông Volga, quân Nga còn giữ được một phần quân-đội khá quan trọng.

Dầu sao thành Stalingrad rồi cũng bị đổ. Tin cuối cùng nói quân Đức đã tiến vào thành Stalingrad (15-9) Tuy nhiên, quân lực của Nga chưa phải vì thế mà bại, ở miền trung, quân vì Nga thắng lợi nhiều trận và đã vào lọt châu thành Rjev vây chặt thành này tại nhiều nơi. Như vậy hạ được song thành Stalingard, Thống-Chế Von-Bock hẳn phải san bớt lực lượng để đưa lên tiếp tế ở miền Rjev thành thử việc đem đại-đội suống miền nam theo dọc sông Volga để hạ thành Astrakhan gần bờ bể Caspienne thị trấn quan trọng cuối cùng ở cả miền nam nước Nga, chưa chắc đã thực hành trước mùa đông này.

Về mặt trận Caucase, quân Đức vẫn thắng lợi tuy sức tiến có kém nhanh vì lực lượng đã dồn sang Stalingrad. Quân Đức vượt qua eo bể Kertch hôm 1-9, hải cảng Anapa (2-9) và quân-cảng quan trọng vào bực nhất ở Hắc-hải Novorossiisk (6-9) đã bị chiếm.

Ở Pháp.

Trong khi đó, Anh-Mỹ sau khi cuộc đổ bộ ở Dieppe bị thất bại, hình như gác hẳn việc lập mặt trận thứ hai để cứu Nga. Sự hoạt động thu vào việc đem phi cơ sang ném bom xuống miền phiá bắc Pháp, các trại Pháp ở bờ bể phiá tây các hải cảng Cherbourg, Rouen, Le Havre (30-8, 6-9 và 8-9). . . . . .

Gần đây hạm đội Anh lại tấn công ở phía tây Mađagascar và chiếm nhiều hải cảng. Majunga, Ambajo và Morondava (10-9) chủ ý để kiểm soát kênh Mozambique cắt đường giao thông từ mũi đất Bonne Espérance (Nam Phi-Châu) đến Hồng Hải và lập một hậu thuẫn trong việc chống giữ Ấn-Độ.

Ở Đông-Dương

. . . . . .

Có một lần (3-9) phi-cơ Tầu bay qua địa hạt và ném bom gần trường bay Gia-lâm, không thiệt hại gì mấy.

Theo nghị định quan Toàn-quyền ngày 18 Octobre 1941 và Đạo Dụ của Đức Bảo - Đại đăng trong Đông Pháp Công báo số 70, nay mai 60 xã thuộc huyện Hoàn long và ba tổng thuộc phủ Hoài đức cùng hai tổng thuộc huyện Thanh trì sẽ sáp nhập vào thành phố Hanoi.

Theo như đạo nghị đình ấy thì huyện Hoàn long sẽ đổi thành Đại - lý và các việc hành - chánh và tư pháp sẽ thuộc quyền các quan cai trị ở Hanoi

Quan Toàn quyền ký nghị định ban hành sắc lệnh ngày 28-7-1942 định rằng trong các thành phố dân số quá 20 vạn người thì những người nào (Công dân Pháp hay dân Bảo hộ) thuê nhà để buôn bán hay mở xưởng kỹ - nghệ mà giả tiền thuê nhà mỗi tháng quá 100p. (Kể cả ngoại phụ) và đã thuê được 3 năm có giấy giao kèo hay đã được 6 năm không có giấy giao kèo thì vẫn có quyền thuê lại ngôi nhà ấy mà người khác không thể thuê tranh được. Người thuê nhà trước vẫn chịu giá thuế và điều kiện như của người định hỏi thuê để nghị.

Báo T. N sẽ nói rõ về đạo sắc lệnh này trong một số sau.

Viết ngày 15-9 1942

-đọc- sách mó'i

Xuân thu nhã tập Đoàn phú Tứ chủ biên Nguyễn lương Ngọc xuất bản.

Những sự thay đổi nhanh chóng ở chung quanh chúng ta bắt đầu làm cho chúng ta hiểu rằng giờ này không phải là lúc cười cợt nữa, phải tìm một căn bản riêng, một hòndảo để chú chân khi sóng gió, Chúng ta thấy rằng ta phải sống với cái gì thật là của ta. Cũng vì nghĩ như thế nên mới đây một nhóm nhà văn, nhà họa, nhà nhạc, đã cho xuất-bản một cuốn sách mà người ta có thể gọi là một bản tuyên ngôn. Quyển *Xuân Thu Nhã Tập* đã và sẽ làm cho nhiều người bực tức vì chúng ta đã quen không dùng đến sự suy nghĩ của ta đã lâu rồi. Nhưng nếu các độc-giả còn biết ghét sự dễ-dàng thì các ngài sẽ thấy rằng những ý-kiến của nhóm Xuân-Thu không có chi là quá-đáng, rất rõ ràng, sáng-sủa, hợp lý đôi chỗ lại tân kỳ nữa. Quyển X. T. N. T. quả là một bài đại luận — một bài luận có rất nhiều thí - dụ — để chứng tỏ một lý tưởng riêng, một quan-niệm thẩm-mỹ có đôi chút khác thường.

Những người trẻ tuổi ấy có một điều tự đắc là họ đã phát minh lại một lần nữa những đặc tinh của nền mỹ thuật Á-Đông: «hàm súc, tĩnh mạc, tổng hợp». Rồi họ dùng ánh-sáng của nền tư-tưởng phương Tây để tìm một lẽ tái-sinh cho những đặc-tính đó; họ đã có cái hảo-ý «nối liền nguồn gốc xưa với những ước vọng nay». Khi các nhà văn xuân thu muốn «mình tự vượt mình, để luôn luôn ở đầu ngọn sinh hoạt» khi họ phân-biệt cái «tôi» nằm trong cái vỏ tối tăm của thành-kiến với cái «ta», kết tịnh của sức sống dào dạt của «muôn ngàn số kiếp luân hồi» khi họ không lẫn «văn» dùng để tả cái «thông dụng vụ lợi của Trí não» và «thơ» hình dung của bản ngã thuần túy thì ta thấy phảng phất như có chút triết lý của Bergson ở trong. Bắt thi sĩ phải tan hồn vào trong cảnh vật, «cảm trong chiếc lá, nằm trong chiếc lá, là một chiếc lá» há chẳng là theo đúng cái thuyết trực-giác lấy «đồng cảm» làm phương-pháp đó du! Và khi các nhà văn xuân-thu định nghiã thơ, sự phối-hợp những âm thanh, chữ, hình ảnh, biểu hiệu, theo những niêm luật rõ rệt hay tiềm tàng để diễu tả những «lớp dầy đặc của tiềm thức và vô-ý thức» thì chúng ta lại nhớ đến lời tuyên-ngôn của André Breton, đứng đầu phái Surréalisme ở Pháp, một văn phái chịu nhiều ảnh-hưởng của Freud nhà tâm-lý học người Áo.

Dùng anh-sáng tây phương để soi tỏ chân lý đông phương....

Quan niệm thẩm mỹ của các nhà văn Xuân Thu quả là có giá-trị. Đó là tôi không nói đến phần siêu-hình của lý thuyết Xuân Thu, đem thơ lên ngang với Đạo chi-phối cả vô-cùng. Phần siêu-hình đó chỉ có thể cảm thấy chứ không dãi bầy ra được.

Vì có quan niệm như vậy, nên thơ Xuân Thu phần nhiều khó hiểu; tiềm thức với vô ý thức có phải theo những luật nghiêm khắc của luận lý thường đâu. Thơ Xuân Thu vì thế có thể là vô lý: mỗi một chữ của câu thơ gợi lên một hình ảnh mà những hình ảnh đó có thể trái ngược. Các ngài đã mê bao giờ chưa? Ấy thơ Xuân Thu là một một giấc mê êm đềm đó.

Trong các thi-sĩ của Xuân Thu thì có lẽ Ông Nguyễn Xuân Xanh «thuần túy» nhất. Thơ của Ông Phạm văn Hạnh tuy vậy còn dễ hiểu vì ông tuy mê mà vẫn tỉnh: một vòng giây vẫn còn nối chặt chẽ các chữ và các mầu câu của ông lại. Thơ Ô. N. X. Xanh mới thật là bí-ẩn.

Nhài đầu rót nguyệt vú đôi thơm

Không có một cái chấm câu và toàn vần bằng cả. Người ta có cái cảm giác rằng tác giả đã viết rất nhiều «chữ một» vào những mảnh giấy, gập lại để vào trong cái mũ trắng rồi rút ra từng tờ, biên những chữ tìm thấy chữ nọ ở bên cạnh chữ kia, đủ bầy chữ lại xuống giòng. Nhưng đó chỉ là cái cảm giác, hiện biến trong chốc lát. Thật ra muốn hiểu cái hàm súc thơ Nguyễn Xuân Xanh phải gắng sức rất nhiều. Trước hết phải học thuộc lòng rồi ngâm đi ngâm lại kỳ cho tâm-thần ở vào một cái trạng thái giao cảm mới lĩnh-hội hết được ý thơ, Đó là một phương pháp mà một giáo sư Pháp vừa bầy cho chúng ta để đọc văn Paul Claudel Tác giả mấy giòng này chưa có cái can đảm thực hành câu khuyên đó nên không thể nói được rằng thơ của nhóm xuân-thu có giá-trị hay không. Mến cường phê bình, e tỏ ra mình vô-lễ với thi-nhân.

L. H. V.

CẢI CHÍNH KỲ TRƯỚC

Cột 1 giòng 44 « *thuận* định yêu nhau » xin đọc là « *không* định . . . »

« giòng 46 « một cớ để *cho* lỗi » xin đọc là « để *che* lỗi »

« giòng 58 «yêu mà đau khổ » xin đọc là « yêu *để* mà . . . »

Cột 2 giòng 30 « lúc *trước* ta » xin đọc là lúc *nước* ta »

« giòng 47 « *thục* đuổi » xin đọc là « theo đuổi »

Trang 31 cột 1 giòng 7 : « nhiều *dòng* nỗi » xin đọc là « nhiều *nông* nỗi »

DẤU CHÂN CỦ

(Tiếp theo trang 7)

Nhà bác học nào bảo thế ? Việc gì mà nghe nhà bác học ? Giăng của Hằng Nga, giăng Hằng Nga, giăng mê ly, giăng đắm người ta trong Nát Bàn với tiếng chuông chùa quá buổi. Trang Tử biến thành bướm đi trên những mê loạn của người. Tây thi giặt lụa. Gót hài của Dương quí Phi làm nở muôn hoa. Giăng sẽ trên lầu Vọng Nguyệt, sen tàn còn phảng phất hương duyên. Dĩ vãng, huyền diệu, tiếng địch xa xôi, hạc bay trên mây, tiên nữ ca hát trên cỏ vắng . . . Dĩ vãng, thơ, hương hoa mộc, sắc hoa phù dung. Con đường cũ trông ngóng người xa xôi, tình xa xôi, hư ảo xa xôi. Ước một nẻo đưa lên núi, đưa lên ngàn. Ước mong nhất xứ uế như Lãnh Vu Băng để thấy cửa trời rộng mở.

Con đường Liễu Trai, con đường kinh mộ ! Gớm ghê, hung quái đi tìm Thạch Sanh, yêu ma ám ảnh Thích Ca trên đường giác ngộ. Con đường trên đó lòng tôi dầu tiên mở đón một quan - niệm về thiện ác, xấu đẹp ở đời. Dưới bóng cây, dưới bóng đa, lòng đã tưởng vọng đến những chân giời bên cuối con đường thiên lý.

■

Trên đường cũ, hai bóng, Thảo và tôi. Qua chợ chiều. Bên phố một ngôi hàng sách nhỏ, trong đó có một bà cụ già đang ngồi phe phẩy quạt. « Ngày xưa, ở đây, đôi mắt trong. . . » Thảo sẽ nói bên tai tôi, ngẫn ngơ như bị hồn chiều và xưa xâm chiếm. « Ngày xưa ở đây đôi mắt trong, một tình yêu, một hứa hẹn. Rồi năm năm qua,... ngày nay, bên chợ chiều đâu còn bóng cũ ».

Tôi yên lặng một chút với chàng Olympio một khoảnh khắc ấy, rồi tôi vỗ vai Thảo, dắt tay anh đi. Chợ đã tan, mây trắng đùn lên trên nền giời còn xanh, vài con bò lặng yên nhai cỏ, như suy nghĩ lại như không suy nghĩ.

Hai chúng tôi trên đường trắng, anh buồn một nỗi riêng tây, tôi buồn những buồn xa lạ. Kiều khi xưa « dư nước mắt » khóc một người bạc mệnh. Buổi nay tôi thật buồn vay sầu mướn. Bao cuộc yêu đương đứt đoạn của cổ kim, bao đau thương ly biệt. Bến đò một buổi, tiễn đưa kẻ đi không về. Một đêm tỉnh mộng, người đẹp dưới gốc hoa mai tan biến. Rêu in trên đường cũ, lá khô sào sạc, một bức tường, một khóm cỏ, một con sông, một buổi hoàng hôn. Nếu thời gian lại cho Tây Thi không già. Đập chiếc gương Tần sói móc những nét răn, để giai nhân soi suối Thiên Thai, thấy cái xuân muôn năm, xuân vô tận. Tiếng hạc vàng kêu bao giờ chia biệt. Lẽ nào ở đất Vĩnh Viễn mà còn có phân ly ?

Giữ lấy một phút mê ly, ôm lấy lá xanh, ôi hỡi chiều chậm lại.

ĐINH GIA TRINH

NHÂN-CÁCH-HÓA MỘT PHƯƠNG

(Tiếp theo trang 27)

« Tình ái » với Xuân Diệu là một người chuốc chén rượu say sưa cho những cặp uyên ương :

Em có nhớ một buổi chiều yên tĩnh,
Chúng ta chìm trong một bể ái ân,
Chúng ta say trong chén rượu tuyệt trần,
Mà tình ái rót đầy dâng bạn mới...

Cf (. . . l' amour à longs flots nous verse le bonheur - Lamartine), Ông Boileau kể truyện một người muốn trốn nỗi đau thương, đi ngựa chơi cho khuây khỏa. Nhưng cũng không được : « Cái buồn rầu nó cũng trèo lên ngựa ngồi đằng sau người nọ, và cũng phi ngựa đi với hắn (Le chagrin monte en croupe et galope avec lui). Voltaire viết: « Hình phạt bao giờ cũng đi theo tội lỗi cứ thong thả mà đi tới » (La peine suit le crime, elle arrive à pas lents) Trong văn ta cũng có nhiều câu cách dùng chữ tương tự như thế :

Cái khó theo nhau mãi mãi thôi,
Có ai hay chỉ một mình tôi (Từ điển đồng)
—Mối tình muốn dứt càng thêm bận
Mãi mãi theo hoài cứ chẳng thôi (Dực Tôn)
—Chiêm bao lần quất bên mình năm canh
(Ca dao)

Lối « nhân cách hóa» các «trừu tượng nhiều khi đã tạo nên những câu văn cách dùng chữ rất lạ lùng Nhà văn Pháp không những nói: Ánh giăng *nằm ngủ* trên đám cỏ (La clarté de la lune dormait sur les gazons : Chateaubriand) (cf : nửa đêm về sáng trăng nằm ngọn tre (ca dao) mà lại còn viết : «Tôi yêu những khu rừng đen tối, mà ở nơi ấy *sự im lặng ngủ yên* trên tấm nhung của những đám rêu (J'aime les forêts térébreuses où le silence dort sur le velours des mousses : V. Hugo).

Văn chương ta nhiều khi cũng đã dùng chữ một cách rất táo bạo như thế :

Ai đong làm sao được sầu, mà cụ Ng Du nói :
Sầu đong càng lắc càng đầy,
Ba thu dọn lại một ngày dài ghê.
Hay như những câu này nữa :
Chữ nghĩa mớm dần con trẻ hết,
Râu ria đâm mãi cái già ra (câu đối)
Anh đi đường ấy xa xa
Để em *ôm bóng trăng tà* năm canh (ca dao)

(Còn nữa)

VŨ BỘI LIÊU

TẬP THƠ

(Tiếp theo trang 17)

8 — Ngộ Sở khanh

Buồng đào đã khóa đợi đào tơ
Gặp đứa vô lương khéo đánh lừa.
Tự đấy thau vàng không kén chọn,
Cái thân nào biết có bây giờ !

9 — Giá thúc Sinh

Bình bồng bao quản nước đầy vơi
Cái nợ ba sinh giả chửa rồi
Ngán nỗi dấm chua hơn lửa cháy
Má hồng phận bạc trắng nhường vôi,.

10. — Đầu quan-âm các

Hay giở nhờ con tạo điểm tô
Má hồng túng đất cũng đi tu
Khả thương chàng Thúc tình ngơ ngẩn
Lại đến thăm chùa nói nhỏ to,

11. — Qui Chiêu-ẩn am

Xin vào cửa Phật bạch như-lai
Mở đóng không ngờ vách có tai
Nham hiểm lòng người xin liệu trước
Đêm khuya lần bước chiếc tăng hài

12. — Ngộ Bạc Hạnh

Cái kiếp phong trần khéo đọa đầy.
Cởi ra rồi lại buộc vào ngay,
Chăng là ác nghiệt tiêu chưa hết
Còn nhớ chiêm bao giấc mộng xay

13 — Ngộ Từ-Hải

Thuyền quyên lại sánh với anh hùng
Ân oán đôi đường trả sạch không
Lo việc triều đình ai dự đến
Há còn bàn bạc chước hòa công

14 — Ngộ Giác duyên

Tiếng khóc đưa ai nước mắt đầy
Tấm lòng phó mặc khúc sông này
Tiền đường không phải mề hồng phấn
Người cũ đâu mà lại gặp đây.

15 — Trùng phùng Kim-Trọng

Đổi thay nhạn cá ngoại mười năm
Sen ngó đào tơ đã mấy lần
Không chắc bây giờ mà lại gặp
Cầm kỳ xin tạ khách tri âm

TRẦN VĂN GIÁP SAO LỤC.

ĐÃ CÓ BÁN :

LÀM TIỀN

phóng sự của TRỌNG LANG

tả rõ đủ các mánh khóc làm tiền của nhiều hạng người trong xã hội. Giá 1p.20

Tiêu nhiên mị cơ'

phóng tác của VŨ NGỌC PHAN

theo le roman de Tristan et Iseult, câu chuyện tình hay nhất thế giới. Giá 1p 25

KINH CẦU TỰ'

của HUY CẬN

Hiện đã hết.

CÒN ĐANG IN :

QUÊ NGƯỜI

tiểu thuyết dài đầu tay của TÔ HOÀI

dưới bút tác giả, tất cả cái xã hội lố lĩnh đáng thương ở nơi bờ tre đồng lúa được phác họa rất tinh tế, rất cặn kẽ.

CHUYỆN VÔ LÝ

phiếm luận của LÃNG NHÂN

PHÙNG TẤT ĐẮC tác giả **TRƯỚC ĐÈN**

DẶY VƠ'I

tập thơ kiệt tác của thi sĩ : ĐÁI ĐỨC TUẤN tức TchyA dầy công biên tập trong mười lăm năm,

THƯ TỪ VÀ NGÂN PHIẾU XIN GỬI VỀ : Ô. LÊ VĂN DỰ, GIÁM ĐỐC

NHÀ XUẤT BẢN "MỚ'I"

Bắc - kỳ — 57, Phúc - Kiến — Hà - Nội